

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI CHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP CƠ ĐIỆN SỐ 5

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Hoa

Giảng viên hướng dẫn : Th.s Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Đào Thị Hoa

Mã SV: 1012401221

Lớp: QT1402K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp.

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Phản ánh được thực trạng công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5.
- Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Số liệu năm 2013 của công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5
- Số liệu năm 2012 của công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Toàn bộ

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 3 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải phòng, ngày....tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	i
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	2
1.1.Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt sản xuất động kinh doanh	2
1.1.1.Khái quát về doanh thu	2
1.1.1.1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2
1.1.1.2.Doanh thu nội bộ.....	3
1.1.1.3.Doanh thu hoạt động tài chính	3
1.1.1.4.Thu nhập khác	3
1.1.2.Các khoản giảm trừ doanh thu	4
1.1.2.1.Chiết khấu thương mại.....	4
1.1.2.2.Hàng bán bị trả lại	4
1.1.2.3.Giảm giá hàng bán	4
1.1.3.Khái quát về chi phí	4
1.1.3.2.Chi phí tài chính	7
1.1.3.3.Chi phí khác	7
1.1.4.Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	7
1.1.5.Mục đích ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	8
1.2.Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	8
1.2.1.Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính ,thu nhập khác.	8
1.2.1.1.Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
1.2.1.2.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	12
1.2.1.3.Kế toán thu nhập khác.....	13
1.2.2 Tổ chức kế toán chi phí 1.2.2.1.Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp a, Kế toán chi phí bán hàng.	16
1.2.2.3 Kế toán chi phí tài chính.	20
1.2.2.4.Kế toán chi phí khác * Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.....	21

1.2.3. Tổ chức xác định kết quả kinh doanh.	22
1.3.TỔ CHỨC LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH TRONG KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP CƠ ĐIỆN SỐ 5	28
2.1.KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY.....	28
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	28
2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xây lắp Cơ Điện số 5.....	29
2.1.2.1.Đặc điểm sản xuất kinh doanh	29
2.1.2.2 .Những thuận lợi, khó khăn và những thành tích đã đạt được của doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển.	29
2.1.3.Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện số	31
2.1.3.1.Sơ đồ bộ máy.....	31
2.1.3.2. Chức năng của từng bộ phận.....	32
2.1.4.Cơ cấu bộ máy của phòng kế toán	34
2.1.4.1.Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	34
2.1.4.2.Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần xây lắp cơ điện số 5	35
2.1.4.3.Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện số 5.	36
2.1.4.4.Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	37
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty	38
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần Xây lắp cơ điện số 5.....	38
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	47
2.2.3.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	53
2.2.4. Kế chi phí hoạt động tài chính.	62
2.2.4.1.kế toán doanh thu hoạt động tài chính	62
2.2.4.2. Trình tự hạch toán kế toán	63
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP CƠ ĐIỆN SỐ 5	75

3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5 trong thời gian tới.....	75
3.1.1. Ưu điểm.....	76
3.1.2. Nhược điểm.....	77
3.2 Sự cần thiết của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số.....	78
3.3. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5.....	79
KẾT LUẬN.....	90
DANH MỤC THAM KHẢO.....	91

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế thị trường đã mở ra nhiều hướng đi cho nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên những hướng đi đó không hề bằng phẳng, khó khăn và thậm chí đầy chông gai nếu những doanh nghiệp không biết nỗ lực hết sức mình, tổ hoạt động sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tất cả các yếu tố đó đều có mục đích chung đó là lợi nhuận. Vì lợi nhuận là thước đo chuẩn xác nhất tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp.

Do đó để đứng vững và phát triển trong môi trường kinh doanh hiện tại, việc tổ chức hoạch toán kế toán của doanh nghiệp là một việc hết sức quan trọng. Trong đó, công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hoạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

Xuất phát từ vai trò, nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5, cùng với những kiến thức đã được các thầy cô của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng truyền dạy và sự tận tình chỉ bảo giúp đỡ của ban lãnh đạo, phòng ban trong công ty, em đã mạnh dạn đi sâu vào nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5”

Em xin chân thành cảm ơn cô Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương đã tận tình hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khóa luận. Em xin cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty đã nhiệt tình chỉ bảo, cung cấp số liệu thực tế để em có thể hoàn thiện bài khóa luận và có thêm kinh nghiệm thực tế.

Do thời gian có hạn và trình độ của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài của em còn nhiều sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô về bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Đào Thị Hoa

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt sản xuất động kinh doanh

1.1.1. Khái quát về doanh thu

1.1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* Khái niệm:

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

* Điều kiện ghi nhận doanh thu:

- Tài khoản 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu tiền hoặc sẽ được thu tiền.

- Đối với sản phẩm, lao vụ dịch, vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế.

- Đối với sản phẩm, lao vụ dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu)

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hoạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và thu tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số ngày này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và chỉ được hoạch toán vào bên có của TK 131- phải thu khách hàng về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận vào năm tài chính là số tiền cho thuê xác định trên cơ sở toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài chính.

1.1.1.2. Doanh thu nội bộ

*** Khái niệm:**

Doanh thu nội bộ là số tiêu thụ được do bán sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty.

1.1.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính

*** Khái niệm:**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

1.1.1.4. Thu nhập khác

*** Khái niệm:**

Thu nhập khác là những khoản thu nhập mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng ít khả năng thực hiện, hoặc đó là những khoản thu mang tính chất không thường xuyên.

Thu nhập khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt do khách hàng, vi phạm hợp đồng.

- Thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoãn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán năm nay mới phát hiện ra.....

1.1.2.Các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.2.1.Chiết khấu thương mại.

*** Khái niệm :**

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng đã thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn thanh toán đã thỏa thuận hoặc mua hàng, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

1.1.2.2.Hàng bán bị trả lại

*** Khái niệm :**

Hàng bán bị trả lại là giá trị số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

1.1.2.3.Giảm giá hàng bán

*** Khái niệm**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

1.1.3.Khái quát về chi phí

a, Giá vốn hàng bán

*** Khái niệm**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Trị giá vốn hàng hóa bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ, các chi phí liên quan đến HĐKD bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư

theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư.

***Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

Có 4 phương pháp xác định trị giá hàng xuất kho để tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ:

- **Phương pháp LIFO:** (nhập sau – xuất trước) phương pháp này đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, tuy nhiên nhược điểm của phương pháp này doanh thu doanh nghiệp sẽ giảm trong điều kiện lạm phát và lượng tồn kho có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán. Vì vậy phương pháp này thích hợp trong điều kiện giá cả tăng, làm giảm thuế thu nhập phải nộp.

- **Phương pháp FIFO:** (nhập trước – xuất trước) phương pháp này có nhược điểm là chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu hiện hành, thích hợp với điều kiện giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm với loại hàng cần tiêu thụ nhanh.

- Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ: đơn giá được tính theo trị giá trung bình của từng loại sản phẩm do tồn đầu kỳ và nhập kho trong kỳ.

- **Phương pháp thực tế đích danh:** thành phẩm được quản lý theo lô và khi xuất kho lô nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh lô đó. Ưu điểm phương pháp này là độ chính xác cao, công tác tính giá thành phẩm thực hiện kịp thời tuy nhiên lại tốn nhiều công sức do phải quản lý riêng từng lô sản phẩm. Phương pháp này phù hợp với những thành phẩm có giá trị cao, chủng loại mặt hàng ít, dễ phân biệt giữa các mặt hàng.

Tùy từng loại hình doanh nghiệp sẽ lựa chọn phương pháp xuất kho phù hợp. Khi sử dụng phương pháp nào thì phải áp dụng thống nhất trong một kỳ kế toán và đăng ký ngay từ đầu niên độ kế toán. Khi thay đổi phương pháp phải đợi chấm dứt kỳ báo cáo kế toán và ghi rõ trong bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

b, Chi phí bán hàng

***Khái niệm:-** Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụbao gồm chi phí chào hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng....

- Chi phí nhân viên: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, các khoản phải trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế....

- Chi phí vật liệu bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: phản ánh các chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí KHTSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh nhưng chi phí mua ngoài phục vụ cho việc tiêu thụ sản phẩm
- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh những chi phí phát sinh khác ngoài những chi phí trên trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

c, Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Khái niệm**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ quản lý doanh nghiệp về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (lương tính, lương phụ, phụ cấp lương) các khoản phải trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...
- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như giấy mực bút...vật liệu cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ.....
- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dành cho công ty quản lý.
- Chi phí KHTSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.
- Thuế, phí, lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, thuế TNDN...
- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: tiền điện tiền nước tiền điện thoại, thuê nhà văn phòng.....
- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên như: chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách, công tác phí tàu xe....

1.1.3.2. Chi phí tài chính

* Khái niệm :

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến các hoạt động về vốn, về đầu tư tài chính, về số chênh lệch tỉ giá hối đoái (lỗ tỉ giá) của hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành và từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài.

1.1.3.3. Chi phí khác

* Khái niệm:

Chi phí khác là những doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng ít khả năng thực hiện, hoặc đó là những khoản chi mang tính chất không thường xuyên bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi nhận sổ kế toán.
- Các khoản chi phí

1.1.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

* Nội dung:

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa giá trị thuần và giá trị vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

Tổng lợi nhuận = Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận		Lợi nhuận		Hoạt		Chi		Chi		Chi phí
từ hoạt		gộp từ hoạt		động		phí		phí		quản lý
động kinh		động kinh		tài		tài		bán		doanh
doanh	=	doanh	+	chính	-	chính	-	hàng	-	nghiệp

1.1.5. Mục đích ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Vì vậy, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận vô cùng quan trọng trong cấu thành kế toán doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh cho chúng ta cái nhìn tổng hợp và chi tiết về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho các nhà quản trị trong quá trình quản lý và phát triển doanh nghiệp.

Việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu điểm và nhược điểm những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp cho các kỳ tiếp theo.

+ Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ cho các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra những quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

+ Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm đầu tiên của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt là các nhà đầu tư.

+ Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng trong mỗi doanh nghiệp.

1.2. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

a, Kế toán doanh thu

*** Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

TK 511

Bên nợ	Bên có
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng. - Trị giá các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ. - Trị giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu vào tài khoản 911	- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cs 5 tài khoản cấp 2.

Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng.

Tài khoản 5112: Doanh thu bán cá thành phẩm

Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 512

Bên nợ :	Bên có:
- Trị giá hàng bán bị trả lại ,khoản chiết khấu thương mại và khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hóa,sản phẩm ,dịch vụ tiêu thụ nội bộ kết chuyển vào cuối kỳ. - Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa ,sản phẩm,dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ . - Thuế GTGT phải nộp cho số hàng hóa tiêu thụ nội bộ.	- Tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.

TK 512 không có số dư cuối kỳ.

Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng

b, Các khoản khác giảm trừ doanh thu:

*** Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

Tài khoản 521:” chiết khấu thương mại”

TK521

Bên nợ :	Bên có:
- Ghi nhận số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho khách hàng được hưởng	- Trị giá chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ.

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 521: Chiết khấu hàng hóa
- Tài khoản 5212: Chiết khấu thành phẩm
- Tài khoản 5213: Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531” hàng bán bị trả lại”

TK 531

Bên nợ :	Bên có:
- Ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại ,đã trả tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào số tiền khách hàng còn nợ.	- Ghi nhận trị giá hàng trả lại trong kỳ kết chuyển vào tài khoản 511 : doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định kết quả kinh doanh.

TK 531 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”

TK 532

Bên nợ:	Bên có:
- Ghi nhận các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng.	- Ghi nhận số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ kết chuyển vào tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ để xác định kết quả kinh doanh.

TK 532 không có số dư cuối kỳ

***Chứng từ sử dụng**

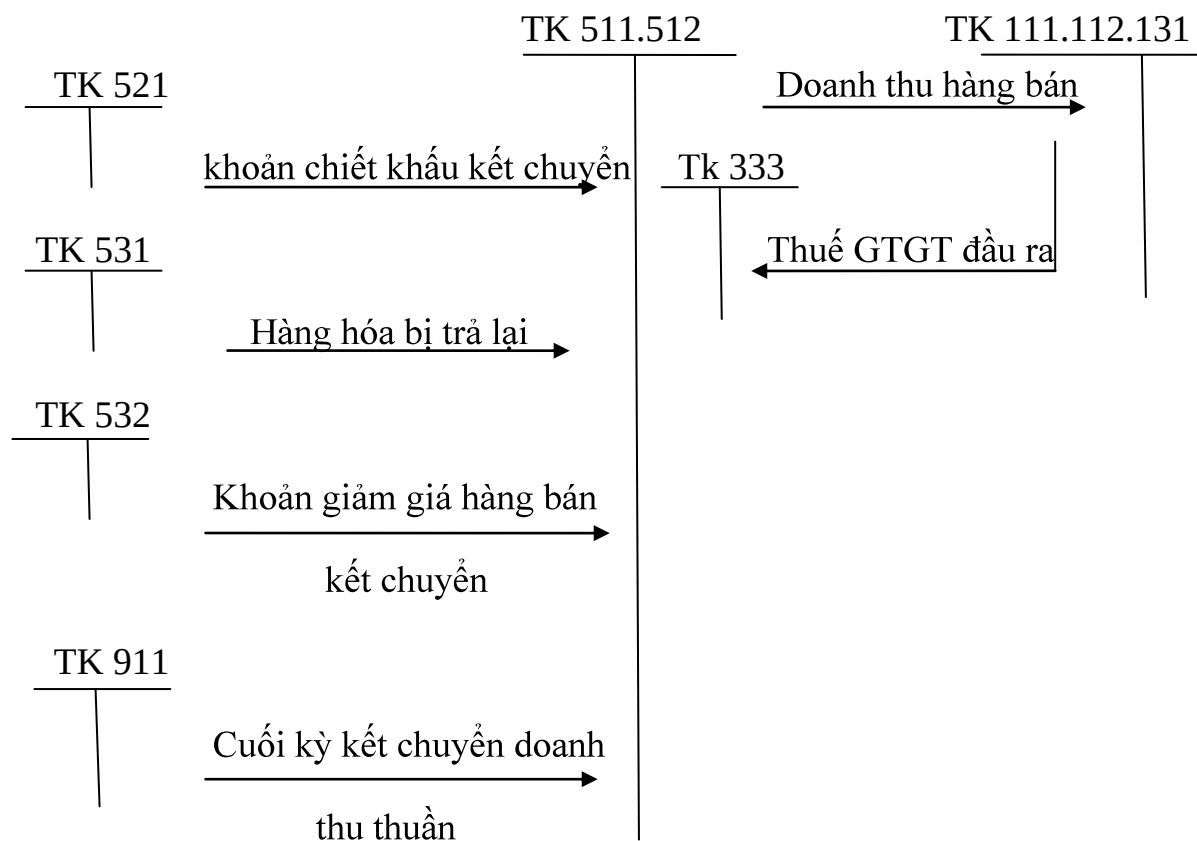
+ Hóa đơn giá trị gia tăng

+ Phiếu giao hàng

- Đối với hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn hoặc bản sao hóa đơn, và đính kèm chứng từ nhập lại tại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại.

- Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán.

***Sơ đồ hoạch toán doanh thu**



1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

TK 515

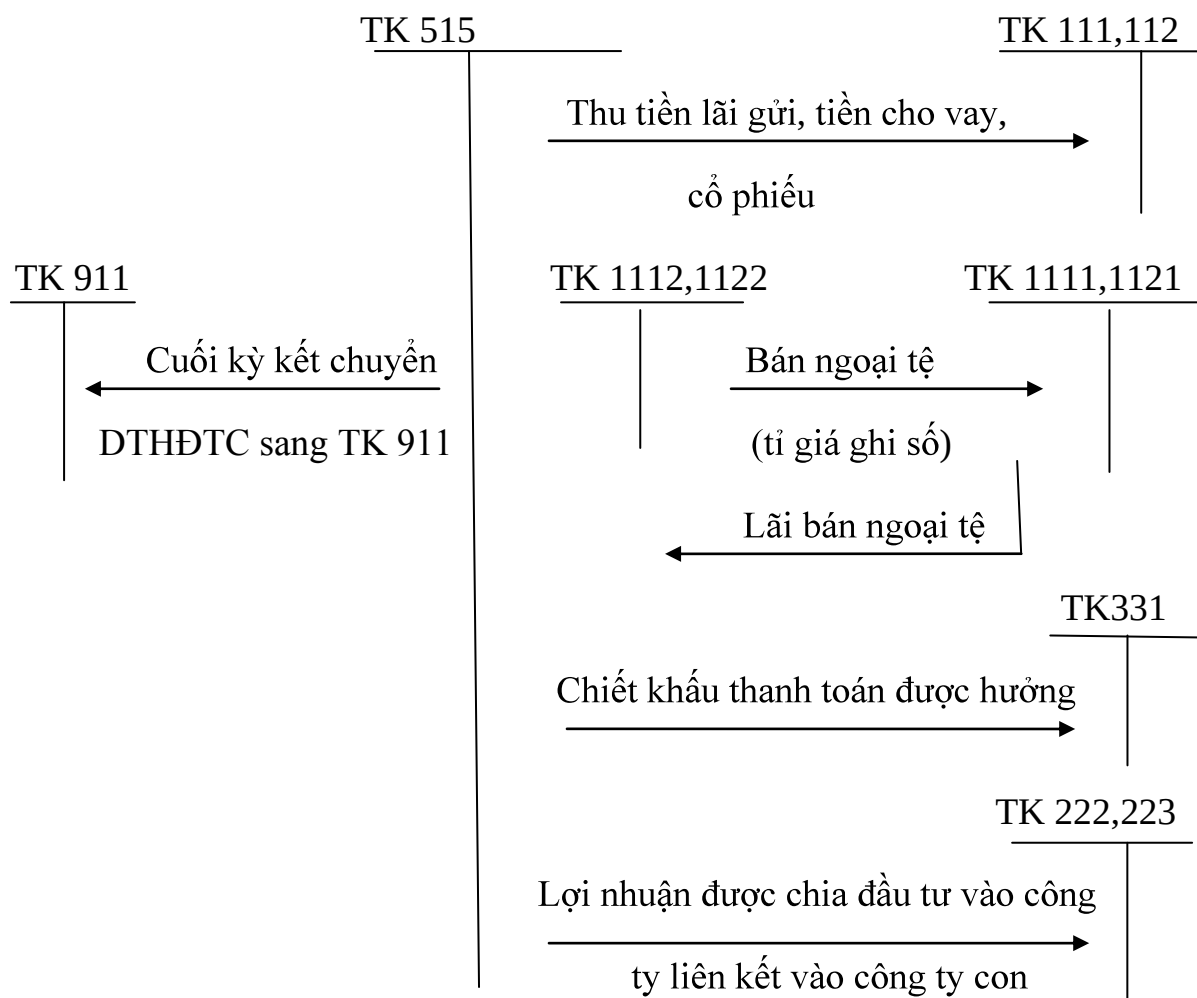
Bên nợ:	Bên có:
-Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911	- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. - Lãi phát sinh khi bán ngoại tệ - Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Khoản chiết khấu được hưởng - Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết.....

TK 515 không có số dư cuối kỳ

* Chứng từ sử dụng

- + Phiếu tính lãi gửi đi.
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có ngân hàng

*** Sơ đồ hoạch toán doanh thu hoạt động tài chính**



1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

*** Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

Tài khoản 711” Thu nhập khác”

TK 711

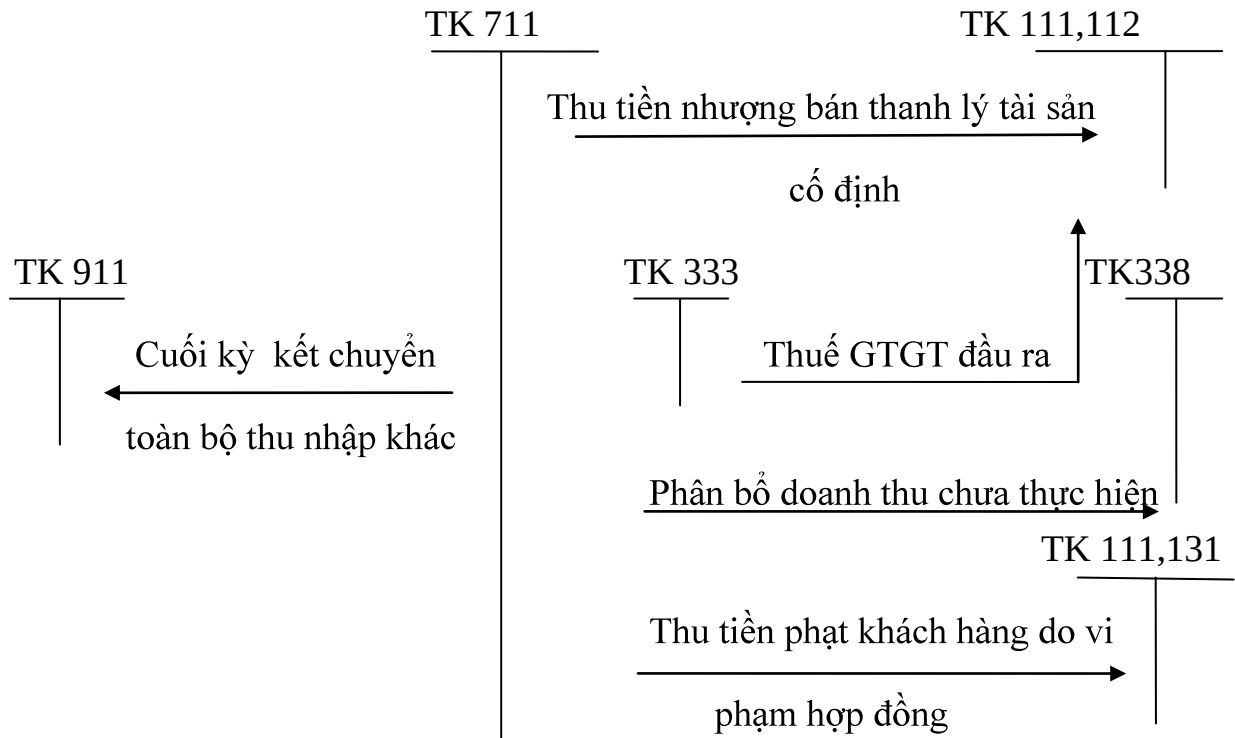
Bên nợ:	Bên có:
- Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	- Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ - Thuế GTGT đầu ra - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng. - Phân bổ doanh thu chưa thực hiện

TK 711 không có số dư cuối kỳ

*** Chứng từ sử dụng**

- + Giấy báo có
- + Phiếu thu

*** Sơ đồ hạch toán thu nhập khác:**



1.2.2 Tổ chức kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

*** Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản**

- Tài khoản sử dụng TK 632” Giá vốn hàng bán”
- Tài khoản 632 được áp dụng cho cả doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

TK 632

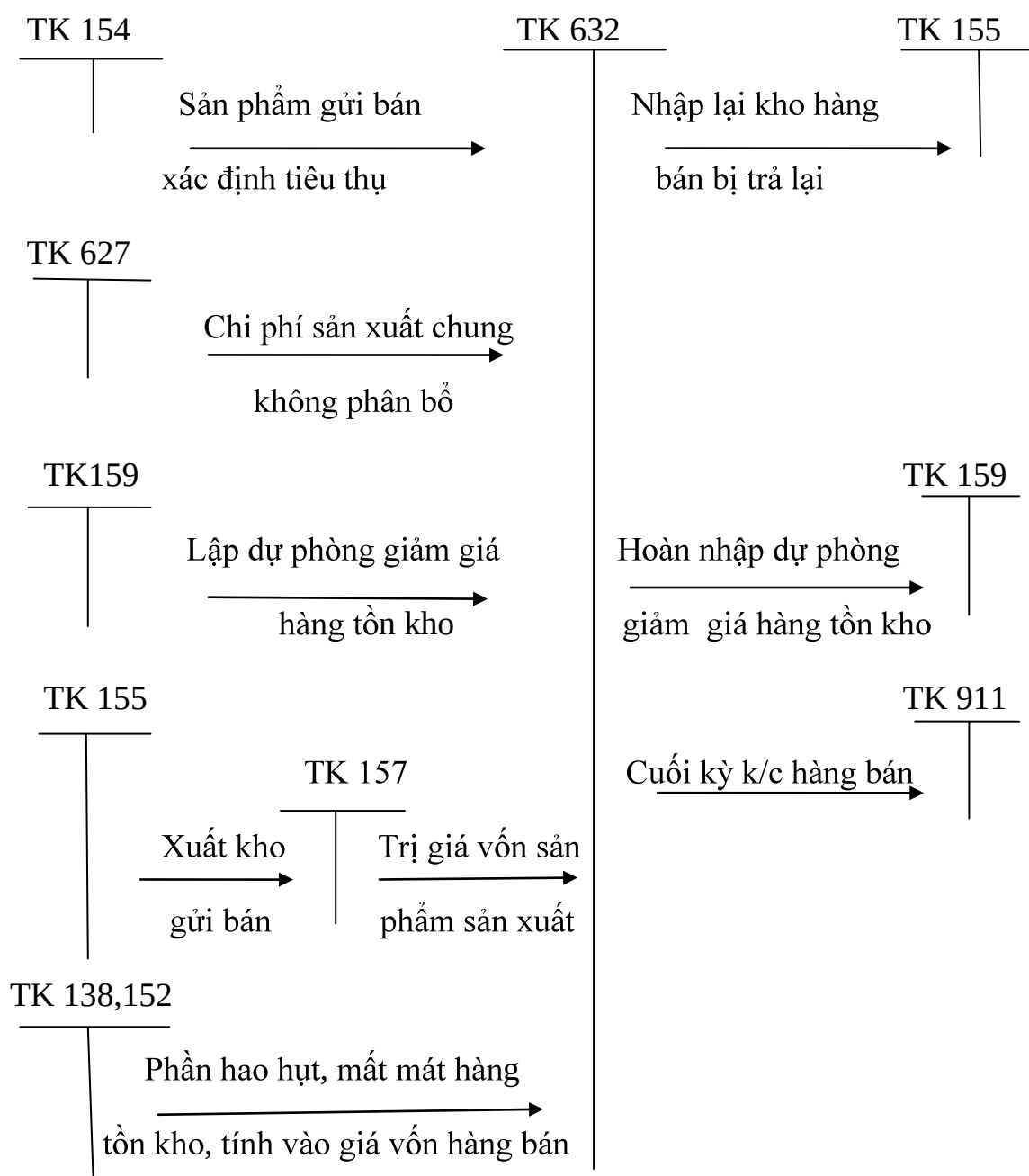
Bên nợ	Bên có:
- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí công nhân, chi phí sản xuất chung vượt trên mức công suất tính vào giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ. - Phản ánh hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phân bổ thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước	- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Giá vốn hàng bán bị trả lại - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 632 không có số dư cuối.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Bảng tổng hợp xuất nhập tồn.
- Bảng phân bổ giá.
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.
- Phiếu xuất kho hàng gửi đi bán.

*** Sơ đồ hoạch toán giá vốn hàng bán**



1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a, Kế toán chi phí bán hàng.

Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.

- Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”

TK 641

Bên nợ:	Bên có:
- Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa ,dịch vụ của doanh nghiệp	- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ hạch toán. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 641 có 7 cấp 2 như sau

- TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng
- TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì.
- TK 6413: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hàng.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí khác bằng tiền.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có...
- Bảng kê thanh toán tạm ứng và các chứng từ khác liên quan.

b, Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

***Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.**

- Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

TK642

Bên nợ:	Bên có:
-Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, dự phòng trợ cấp mất việc	- Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kê hoạch. - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911”Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

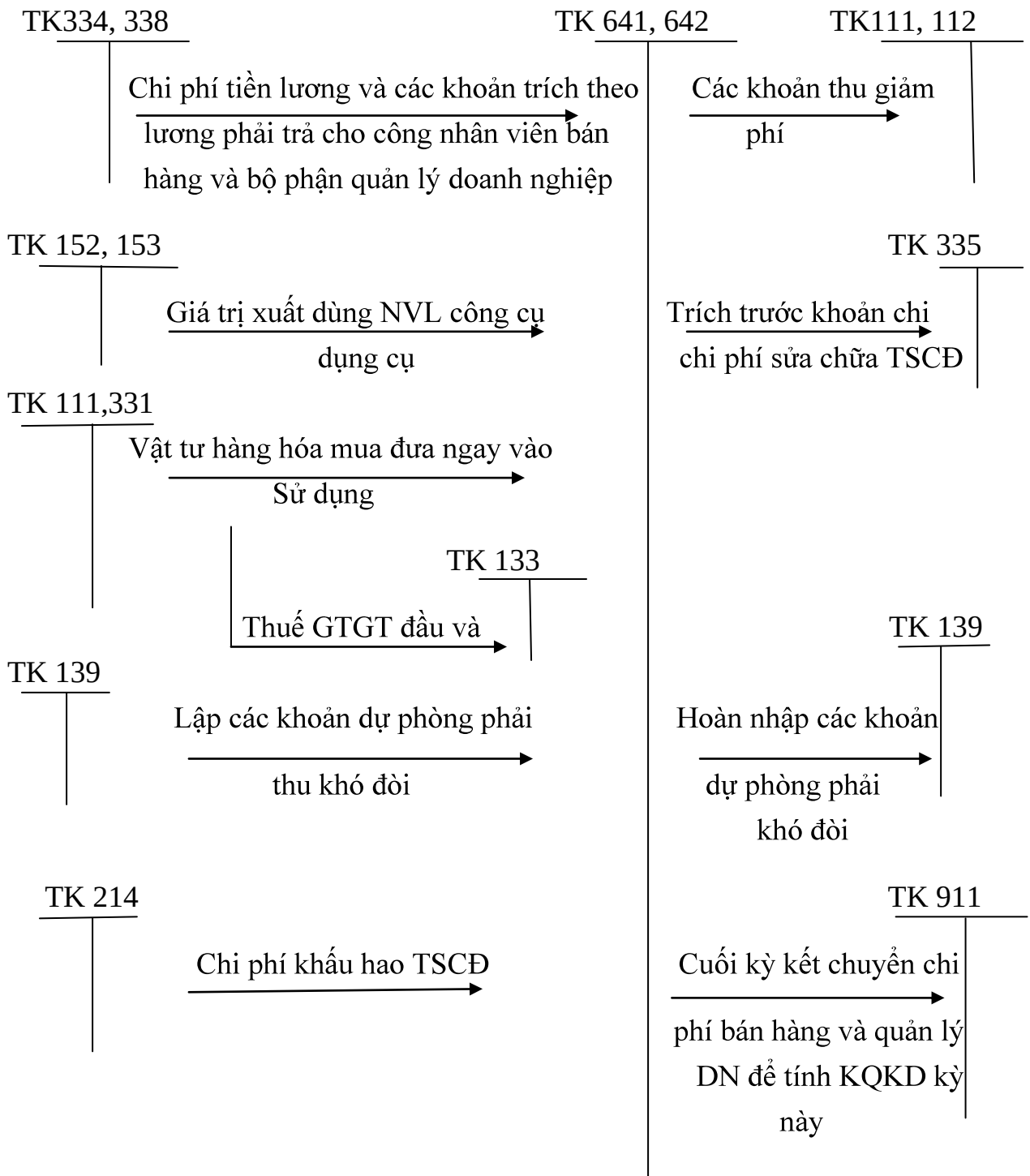
Tài khoản 642 có 8 cấp 2.

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí nguyên vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, có..
- Bảng kê thanh toán tạm ứng và các chứng từ khác liên quan.

Sơ đồ hoạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3 Kế toán chi phí tài chính.

* Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.

- Tài khoản 635 ” Chi phí tài chính”

TK635

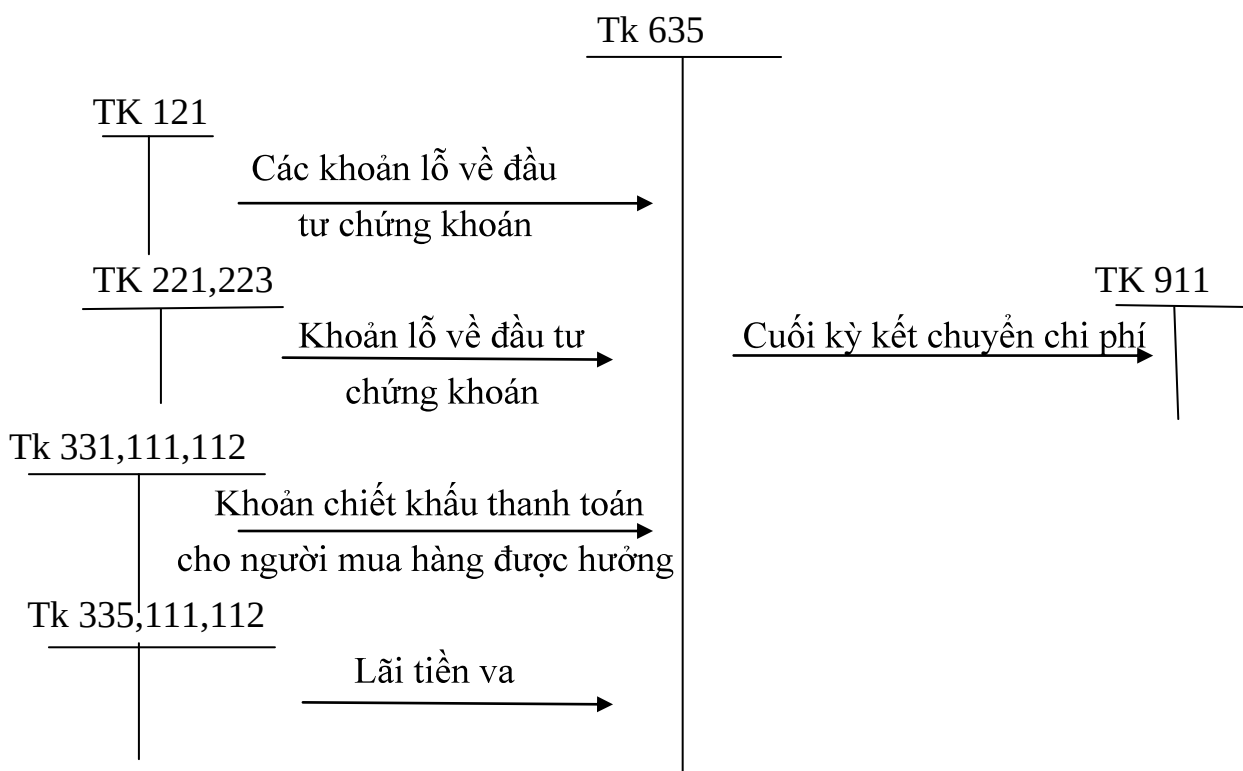
Bên nợ:	Bên có:
- Các khoản lỗ về đầu tư chứng khoán. - Khoản lỗ về đầu tư công ty con công ty liên kết - Khoản triết khấu thanh toán cho người mua hàng được hưởng. - Lãi tiền vay	- Kết chuyển chi phí tài chính vào TK 911” xác định kết quả kinh doanh”

TK 635 không có số dư cuối kỳ

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu tính lãi vay.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ ngân hàng.

***Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính**



1.2.2.4.Kế toán chi phí khác

*** Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.**

- Tài khoản 811 “ Chi phí khác”

TK 811

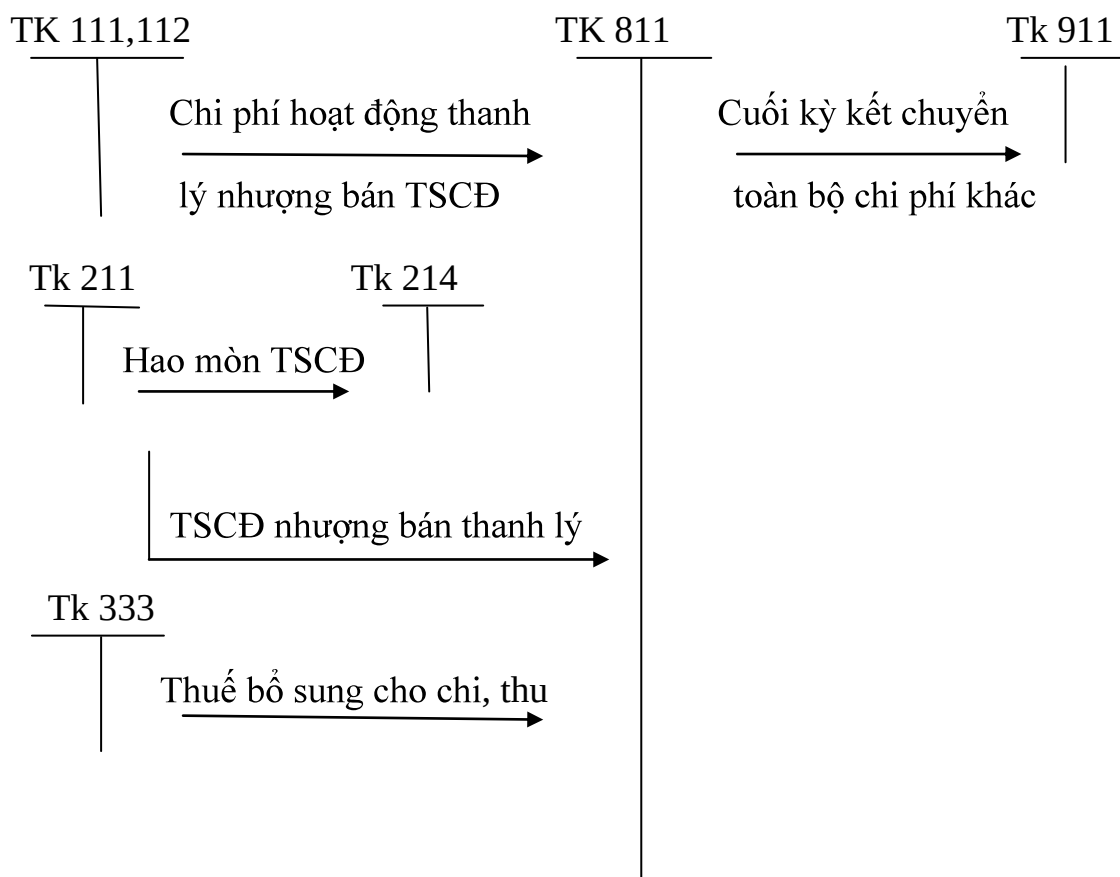
Bên nợ :	Bên có:
- Chi phí hoạt động thanh lý ,nhượng bán tài sản cố định. - Hao mòn tài sản cố định - Tài sản cố định nhượng bán thanh lý.	- Kết chuyển chi phí khác vào TK 911”Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

***Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu.
- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế.

*** Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác**



1.2.3. Tổ chức xác định kết quả kinh doanh.

*** Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản.**

- Tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

TK 911

Bên nợ:	Bên có:
- Giá vốn hàng bán - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp - Chi phí hoạt động tài chính - Chi phí khác, chi phí thuế TNDN - Số lãi trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh	- Doanh thu thuần - Thu nhập khác - Doanh thu hoạt động tài chính - Số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

***Chứng từ sử dụng**

- + Chứng từ gốc phản ánh các khoản doanh thu, chi phí như hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ....
- + Bảng kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động khác.
- + Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
- + Các chứng từ tự lập khác.
- + Phiếu kế toán tổng hợp.
- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \textbf{Tổng lợi} & & & & & & \\
 \textbf{nhuận} & = & \textbf{Lợi nhuận từ hoạt} & + & \textbf{Lợi nhuận} & & \\
 & & \textbf{động kinh doanh} & & \textbf{khác} & & \\
 \\
 \textbf{Lợi} & & & & & & \\
 \textbf{nhuận từ} & & \textbf{Lợi nhuận} & & \textbf{Doanh thu} & \textbf{Chi} & \textbf{Chi} & \textbf{Chi phí} \\
 \textbf{hoạt động} & = & \textbf{gộp từ hoạt} & + & \textbf{hoạt động} & \textbf{phí} & \textbf{phí} & \textbf{quản lý} \\
 \textbf{kinh} & & \textbf{động kinh} & & \textbf{tài chính} & \textbf{tài} & \textbf{bán} & \textbf{doanh} \\
 \textbf{doanh} & & \textbf{doanh} & & & \textbf{chính} & \textbf{hàng} & \textbf{nghị} \\
 & & & & & & & \textbf{quản lý} \\
 & & & & & & & \textbf{doanh} \\
 & & & & & & & \textbf{nghị}
 \end{array}$$

- Kết chuyển các khoản doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ bên ngoài, doanh thu tiêu thụ nội bộ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 511: Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 512: Doanh thu nội bộ.

Nợ TK 515: doanh thu hoạt động tài chính.

Nợ TK 711: Doanh thu khác .

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán .

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

Có TK 641: Chi phí bán hàng.

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Có TK 811: Chi phí khác.

+ Nếu tổng doanh thu – Tổng chi phí > 0

- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Có TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

- Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, số lãi sau thuế của hoạt động kinh doanh trong kỳ:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Có TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nếu tổng doanh thu – Tổng chi phí < 0

- Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ:

Nợ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Có TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

*** Sơ đồ trình tự hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh**



1.3.TỔ CHỨC LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH TRONG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.3.1.Hình thức Nhật ký chung

- Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng . Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng gồm : Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký - chứng từ, Sổ nhật ký chung, Sổ cái.

- Sổ kế toán chi tiết bao gồm có: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán. Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết các tài khoản khác.....

- Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

Hình thức kế toán nhật ký chung.

Hình thức kế toán nhật ký sổ cái.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

Hình thức kế toán trên máy vi tính.

VD: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Sổ nhật ký chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

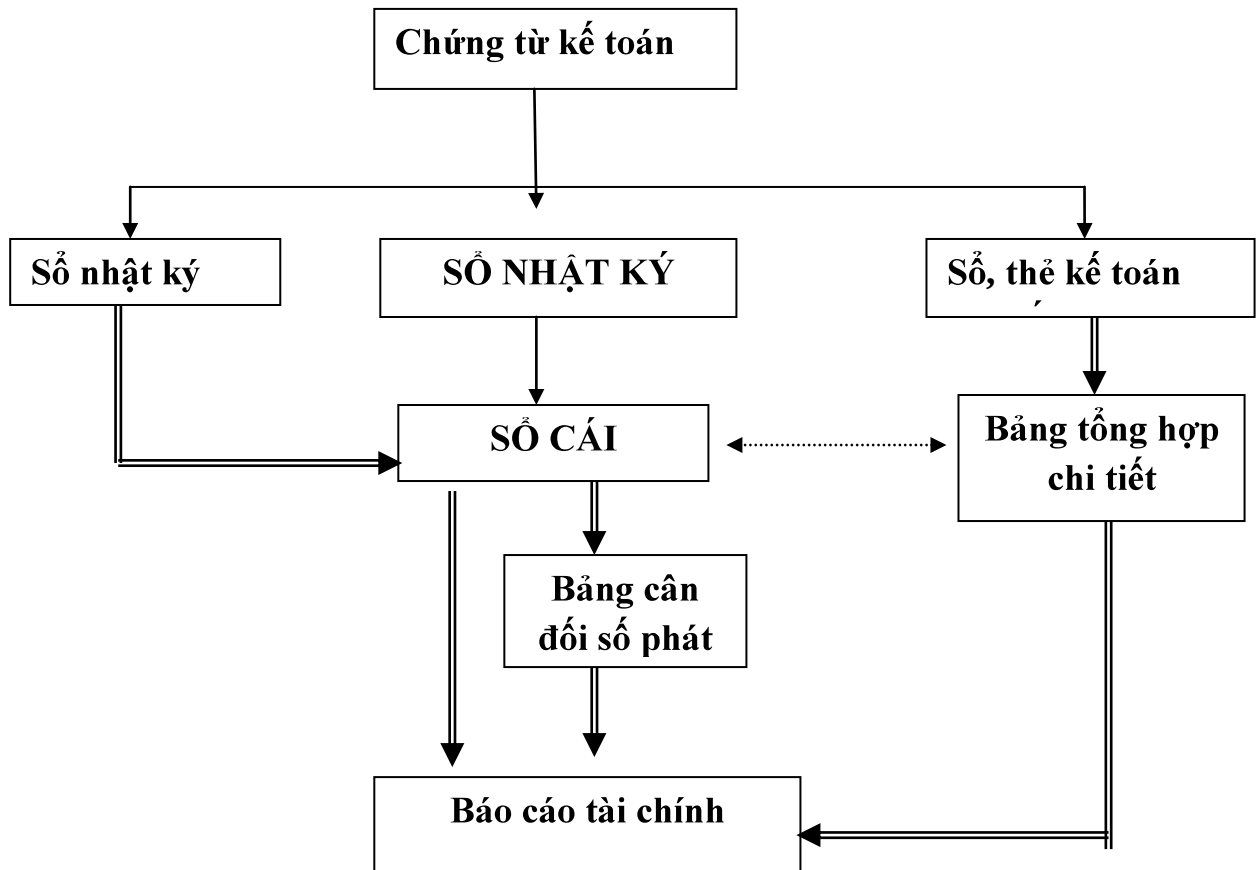
- Hình thức Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

+ Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt

+ Sổ cái.

+ Các sổ thẻ kế toán chi tiết.

Biểu số 01
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP CƠ ĐIỆN SỐ 5****2.1.KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY****2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty.**

Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5 là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hoạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Cũng như doanh nghiệp tư nhân khác Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5 được quyền trong chủ động trong quan hệ tìm kiếm việc làm, khai thác vật tư, kiểm soát nguồn vốn và lao động cũng như ký hợp đồng kinh tế và mở tài khoản tại ngân hàng.

Một vài nét chung về Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện số 5

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP CƠ ĐIỆN SỐ 5**
- Địa chỉ: **Số 84 Hùng Duệ Vương, Phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng Thành Phố Hải Phòng.**
- Mã số doanh nghiệp: **0200567967 Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 12 năm 2011 đăng ký thay đổi lần thứ 4.**
- * Đại diện công ty:
- Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc: **Phan Thanh Đào**
- Tài khoản : **7036789 tại NHTMCP Á Châu Hải Phòng.**
- Mã số thuế: **0200567967**
- Điện thoại: **031.3824040** Fax: **031.3824040**

Công ty Cổ phần Xây Lắp Cơ Điện số 5 trụ sở tại 84 Hùng Duệ Vương, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng thành phố hải Phòng thành lập theo giấy phép kinh doanh 0200567967. Do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/09/2008, đăng ký lần 1 ngày 29 tháng 10 năm 2003

- Vốn điều lệ của công ty: **1.830.000.000 đ**
- Mệnh giá cổ phần: **100.000 đồng**
- Số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp: Số cổ phần: **18.300 cổ phần**
Giá trị vốn cổ phần: **1.830.000.000 đ**
- Số cổ phần được phân chào bán: **0**
- Danh sách cổ đông sáng lập:

Stt	Tên cổ đông	Nơi đang ký hộ khẩu thường trú	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số GCN- ĐKKD, giấy CMND Hộ chiếu	Ghi chú
1	Phan Thanh Đào	Số 1/20 khu tập thể xăng dầu HB,HP	Phổ thông	6000	600	32,78	171375242	
2	Vũ Văn Chiến	Tổ 55, cụm 6, quán Trữ KA	PT	2000	200	10,93	030803126	
3	Vũ Văn Thuật	Tổ 9, Niệm Nghĩa ,Lê Chân HP	PT	2000	200	10,93	030389826	

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xây lắp Cơ Điện số 5

2.1.2.1.Đặc điểm sản xuất kinh doanh

- * Hình thức sở hữu vốn: Doanh nghiệp cổ phần Ngành nghề kinh doanh.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng.
- Sửa chữa lắp đặt cơ điện lạnh.
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp, xà gồ kim loại, kết cấu thép, vật tư xây dựng.
- Kinh doanh và chế biến lương thực thực phẩm, nông – thủy hải sản, lâm sản (trừ mặt hàng nhà nước cấm).
- Kinh doanh nhiên liệu bán lẻ xăng dầu, gas.
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Vận tải và hàng hóa thủy, bộ.

2.1.2.2 .Những thuận lợi, khó khăn và những thành tích đã đạt được của doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển.

Thuận lợi: Nền kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu của con người càng được nâng cao. Lĩnh vực xây dựng cũng ngày càng được mở rộng. Đó chính là một lợi thế cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhà nước cũng đưa ra những điều luật mới tạo điều kiện cho các DN xây dựng :đồng thời sự linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong

công ty đã giúp công ty từng bước hòa nhịp với nhịp điệu phát triển kinh tế chung của đất nước. Trong thi công đã mạnh dạn áp dụng nhiều máy móc, thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng công trình. Việc làm của nhân viên đã được quan tâm đúng mức đã mang lại cho nhân viên niềm tin, sự hứng thú trong công việc giúp công ty hoạt động ổn định. Đội ngũ kế toán với chuyên môn cao, nhiệt tình có trách nhiệm trong công việc, kết hợp với sự dẫn dắt của giám đốc công ty đó chính là những lợi nhuận lớn nhất của công ty.

Khó khăn: Bên cạnh đó công ty gặp không ít khó khăn và thử thách. Thị trường thế giới luôn biến động, DN mới được thành lập chưa có nhiều kinh nghiệm trong thương trường. Việt Nam là một thành viên trong tổ chức WTO cũng là thách thức đối với doanh nghiệp.

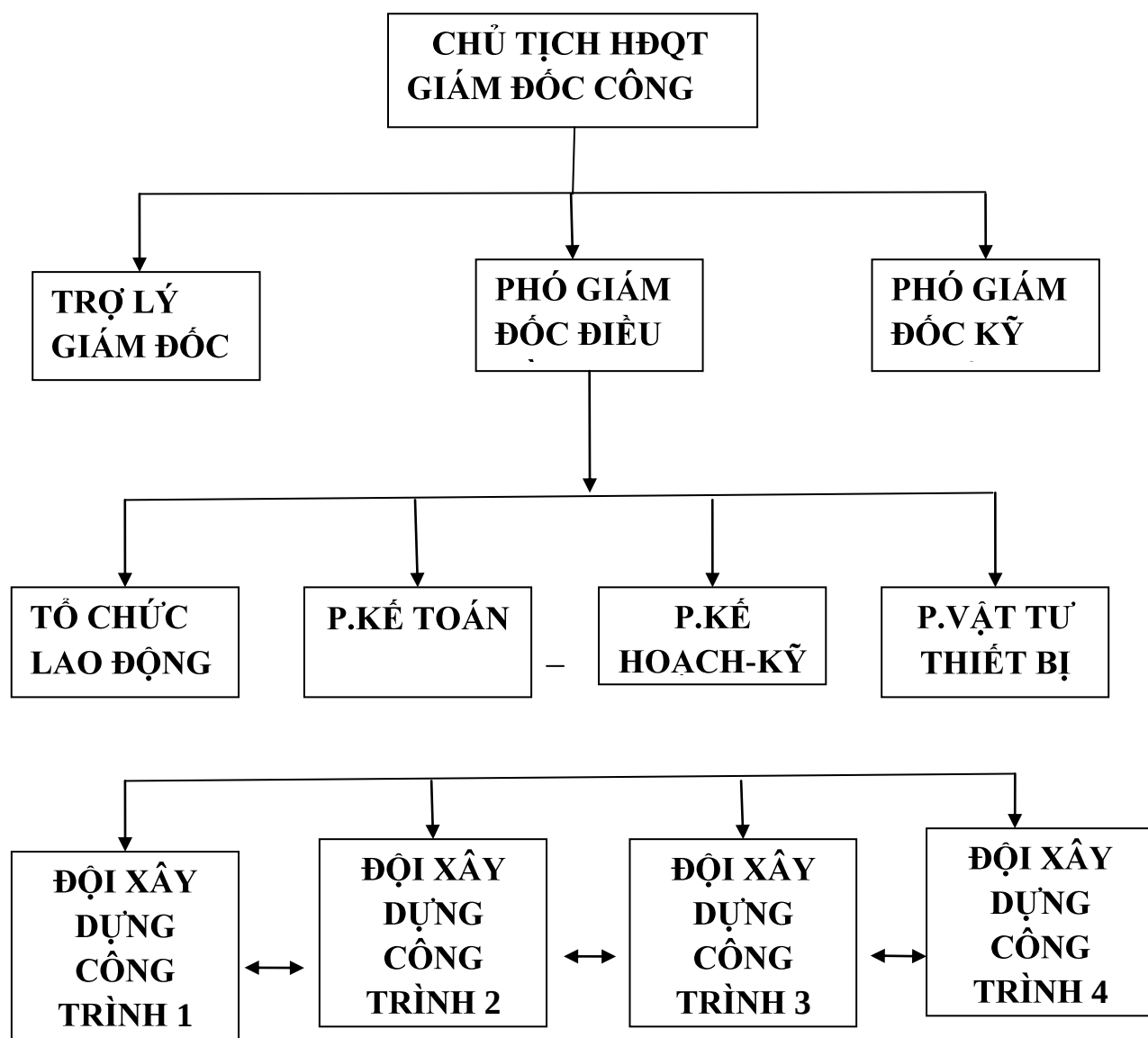
Thành tích đã đạt được trong năm gần đây:

1	Tên dự án	Đường từ vào nhà máy và đường vào cổng nhà máy
	Tên chủ đầu tư	Công ty Cổ phần thép Đình Vũ
	Giá hợp đồng	1.418.186.000đ
	Ngày ký hợp đồng	16/03/2011
	Ngày hoàn thành	24/11/2011
2	Tên dự án	San lấp đầm nước
	Tên chủ đầu tư	Công ty Cổ phần thép Đình Vũ
	Giá hợp đồng	1.220.000.000đ
	Ngày ký hợp đồng	31/03/2011
	Ngày hoàn thành	4/10/2011
3	Tên dự án	Sửa chữa nâng cấp bãi container
	Tên chủ đầu tư	Xí nghiệp xếp dỡ và dịch vụ Công ty Cp VTB Vinaship
	Giá hợp đồng	1.509.107.000đ
	Ngày ký hợp đồng	13/05/2011
	Ngày hoàn thành	16/01/2012
4	Tên dự án	Thoát nước kho quặng apatit và dduongf sắt
	Tên chủ đầu tư	Công ty TNHH MTV DAP - VUNACHEM
	Giá hợp đồng	2.552.000.000 đ
	Ngày ký hợp đồng	23/08/2011
	Ngày hoàn thành	17/08/2012

5	Tên dự án	Hệ thống đường rào còn lại phía Bắc phía Tây nhà máy
	Tên chủ đầu tư	Công ty TNHH MTV DAP- VINACHEM
	Giá hợp đồng	2.246.000.000 đ
	Ngày ký hợp đồng	23/08/2011
	Ngày hoàn thành	27/08/2012
6	Tên dự án	Khu dịch vụ CHXD Quán Toan
	Tên chủ đầu tư	Công ty xăng dầu khu vực số 3
	Giá hợp đồng	950.152.959 đ
	Ngày ký hợp đồng	31/08/2011
	Ngày hoàn thành	6/05/2012
7	Tên dự án	Sửa chữa cửa hàng xăng dầu Vạn Mỹ
	Tên chủ đầu tư	Công ty xăng dầu khu Vực 3
	Giá hợp đồng	504.753.337 đ
	Ngày ký hợp đồng	25/11/2011
	Ngày hoàn thành	03/3/2012
8	Tên dự án	Nhà máy thí nghiệm, kho lưu mẫu và lắp đặt lò gia nhiệt kho nhựa đường Thượng Lý.
	Tên chủ đầu tư	Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex
	Giá hợp đồng	758.218.533 đ
	Ngày ký hợp đồng	06/01/2012
	Ngày hoàn thành	

2.1.3.Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện số

2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy



Sơ đồ: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Xây lắp cơ điện số

Ghi chú:

→ : Quan hệ quản lý chỉ đạo

↔ : Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

Các phòng ban có mối quan hệ mật thiết với nhau và đều chịu sự quản lý của Ban giám đốc. Tuy vậy mỗi phòng ban có chức năng nhiệm vụ riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.3.2. Chức năng của từng bộ phận.

a. Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không

thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng quản đông. Hội đồng thực hiện chức năng quản lý và kiểm sát hoạt động của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Giám đốc thực hiện Nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được phân chào bán của từng loại, quyết định quy định vốn theo hình thức khác.....

b.Giám đốc:

- Là người đại diện cho pháp luật của công ty theo quy định tại điều lệ của công ty, là người đứng đầu bộ máy của công ty, chịu trách nhiệm chỉ huy toàn bộ máy quản lý của công ty, giao nhiệm vụ cho các phó phòng triển khai thực hiện kế hoạch đề ra.

c.Phó giám đốc

- Giúp việc cho giám đốc là phó giám đốc, giám đốc sẽ căn cứ khả năng nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn cho các phó giám đốc.

d.Phòng kế toán

Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hoạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn, kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ của công ty, tình toán và trích lập đầy đủ đúng hạn các khoản nộp ngân sách nhà nước.

e.Phòng kế hoạch kỹ thuật.

Có chức năng tham mưu cho giám đốc công ty trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật chất lượng công trình và sản phẩm kinh doanh.

f.Phòng vật tư thiết bị

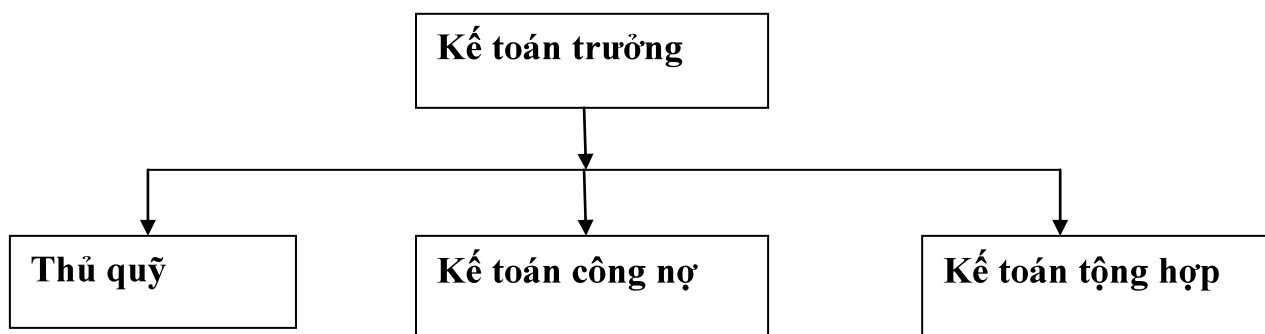
Có chức năng cung cấp thông tin kinh tế, giá cả chủng loại các loại nguyên vật liệu, vật tư cho các phòng ban liên quan. Mua sắm cung cấp để sản xuất sản phẩm, thi công các công trình, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và tổng giám đốc về mọi hoạt động của đơn vị.

g. Phòng tổ chức lao động

Tham mưu giúp việc cho công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý, bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động bảo vệ quân sự theo luật, quy chế công ty. Đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện đúng nội quy, quy chế công ty. Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

h. Đội xây dựng công trình

- Đội thi công được tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu sản xuất theo nguyên tắc gọn nhẹ

2.1.4. Cơ cấu bộ máy của phòng kế toán**2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty**

Người phụ trách nhiệm cao nhất trong Bộ máy kế toán của công ty là kế toán trưởng. Kế toán trưởng sẽ có trách nhiệm thu nhập tổng hợp các báo cáo của các kế toán bộ phận từ các nhân viên kế toán.

Trong đó các nhân viên kế toán có quan hệ mật hệ mật thiết song song tương trợ giúp đỡ nhau trong các phần hành kế toán, có trách nhiệm thông báo, giữ các chứng từ, báo cáo có liên quan đến các kế toán bộ phận khác trong bộ máy.

Trong đó:

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung cho công ty, tổ chức hoạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp đỡ lãnh đạo công ty về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó, kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hoạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

- **Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, nguyên vật liệu, giá thành tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay phó giám đốc hoặc giám đốc.

- **Kế toán công nợ:** Chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

- **Thủ quỹ:** Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và các chứng từ chi, giấy tạm chi... lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần xây lắp cơ điện số 5

- Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 26/03/2006.

- Kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

- Phương pháp hoạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: Khấu hao tài sản được xác định theo phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay.

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỉ giá: Chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các hoạt động mua, bán ngoại tệ, hoạt động thanh toán bằng đồng ngoại tệ và đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ đều được hoạch toán vào kết quả kinh doanh theo quy định tại thông tư số 105/2003/TT-BTC ngày 4 tháng 11 năm 2003 của bộ tài chính hướng dẫn kế toán thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện số 5.

* Hệ thống tài khoản kế toán công ty áp dụng từ loại 1 đến loại 9 để hoạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

* Hình thức kế toán áp dụng: Hiện tại công ty đang áp dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”. Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

sổ nhật ký chung, sổ cái, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối phát sinh.

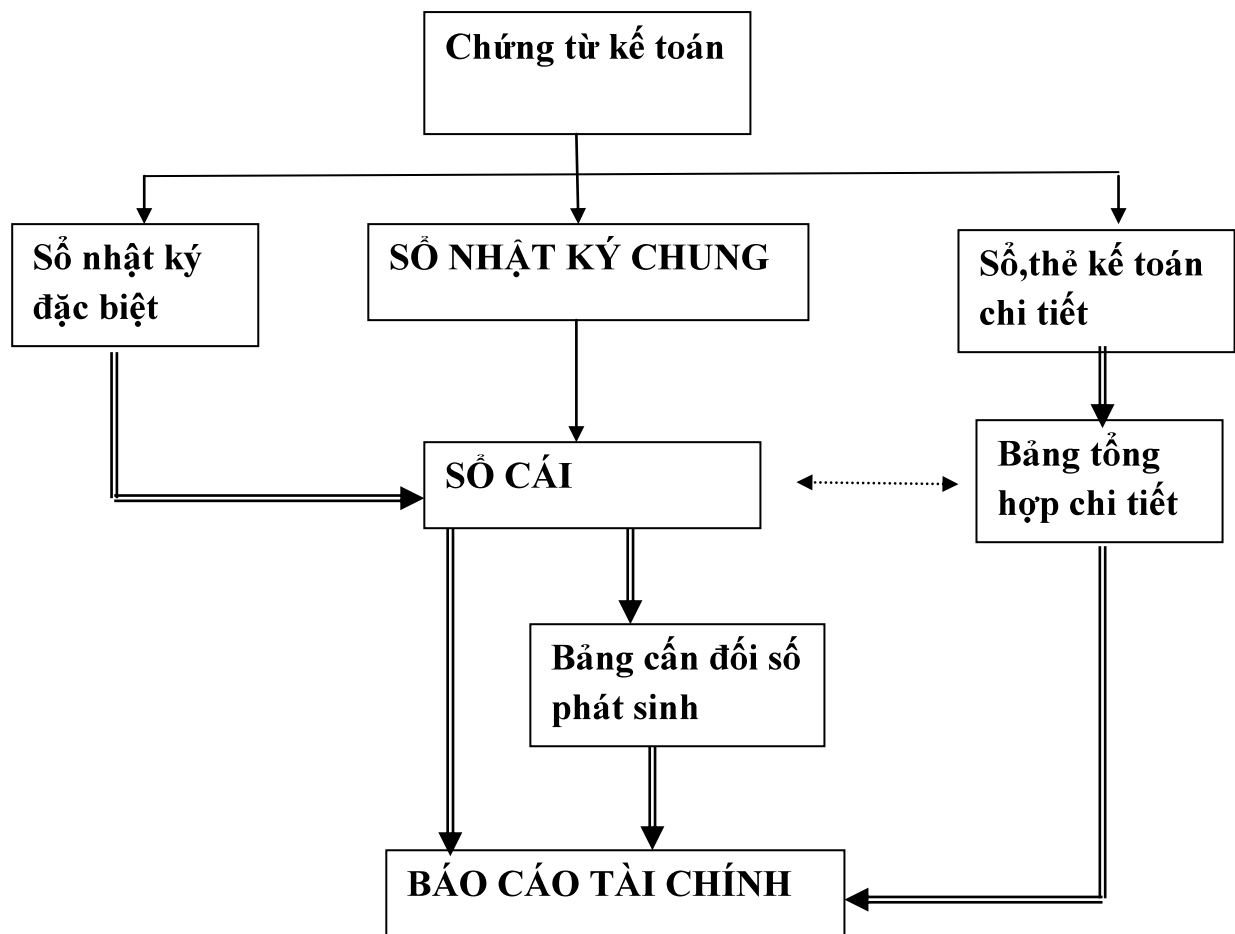
- Theo hình thức “Nhật ký chung”, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào các sổ kế toán chi tiết (nếu có) và sổ kế toán tổng hợp.

- Phần hoạch toán kế toán tổng hợp được thực hiện theo trình tự sau : từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh các nghiệp vụ . Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ “Nhật ký chung” để tiến hành ghi vào sổ cái các tài khoản liên quan. Cuối tháng, quý, năm kế toán cộng số liệu trên sổ các, từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

- Phần hạch toán kế toán chi tiết được thực hiện theo trình tự sau : từ chứng từ gốc kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan theo thứ tự thời gian. Từ các sổ thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

- Định kỳ, kế toán kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết. Nếu khớp nhau là được. Số liệu ghi trên sổ cái, bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng là cơ sở để kế toán lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung của công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: <-.-.->

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- Ngoài ra kế toán còn lập thêm các báo cáo khác: Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần Xây lắp cơ điện số 5

*** Nội dung**

- Doanh thu tại công ty xây dựng cổ phần xây lắp cơ điện số 5 chính là giá trị công trình trong hợp đồng xây dựng. Sau khi công trình có quyết toán hoặc hoàn thành, được bàn giao đưa vào sử dụng. Công ty xuất hóa đơn tài chính đồng thời tính doanh thu.

- Do đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty là kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng công trình dân dụng, công trình giao thông thủy lợi.... Nên doanh thu của công ty được ghi nhận 1 trong 2 trường hợp sau.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng được ghi nhận được tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ của kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

* Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau. Tùy thuộc vào bản chất hợp đồng và phương pháp đó có thể là :

- Tỷ lệ (%) giữa các chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

- Đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

- Tỷ lệ (%) giữa khối lượng đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT.

Hóa đơn được thành lập thành 3 liên:

Liên 1: Màu tím – Lưu lại gốc

Liên 2: Màu đỏ – Giao cho khách hàng

Liên 3: Màu xanh – Làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hoạch toán nghiệp vụ.

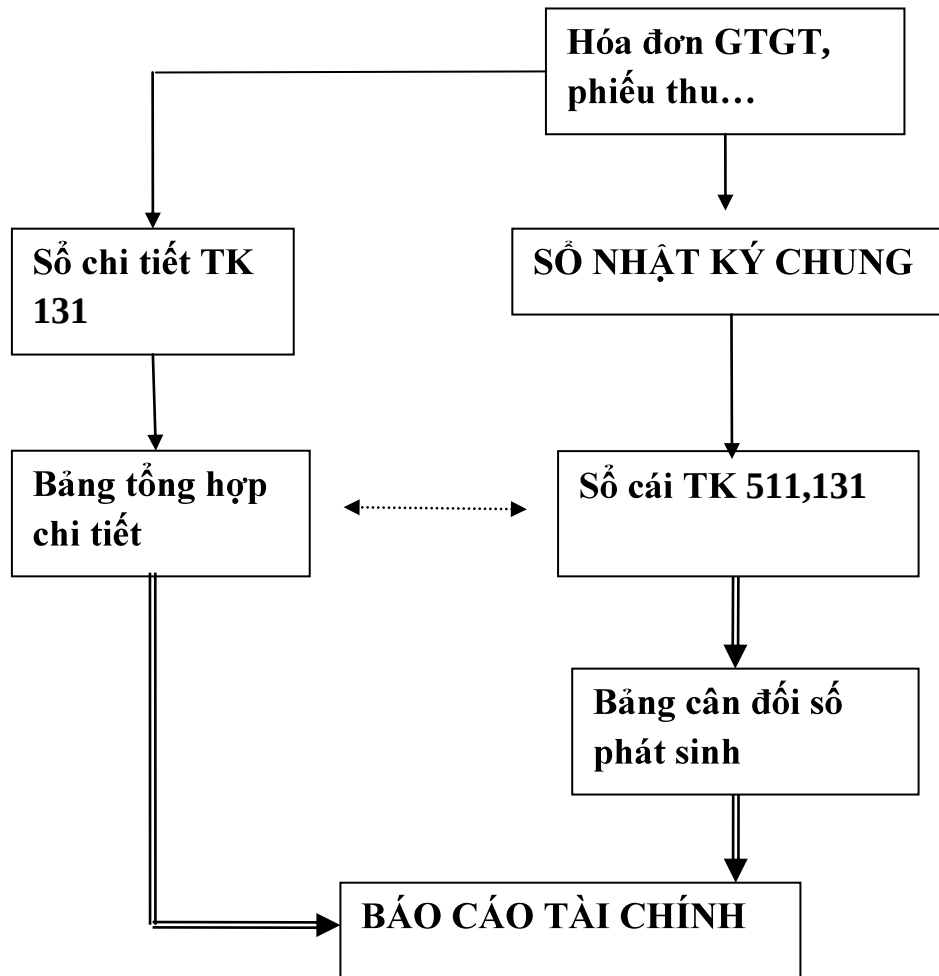
- Hợp đồng mua bán
- Quyết toán thi công.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.....

*** Tài khoản sử dụng.**

- TK 511: Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 131: Phải thu khách hàng.
- TK 111: Tiền mặt.
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.

*** Trình tự hoạch toán kế toán**

Sơ đồ :01 Quy trình kế toán doanh thu tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$

Đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Hóa đơn GTGT, phiếu thu,... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131, sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối cùng, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.

VD1 :Ngày 25/12 /2012 Công ty bàn giao công trình cải tạo xưởng gia công kết cấu thép (công trình được khởi công vào ngày 7/12/2012) với số tiền 532.225.168 (bao gồm cả thuế VAT 10 %). Công ty chưa nhận được thanh toán tiền hàng.

VD2: Ngày 28/12 2012, Công ty bàn giao hạng mục công trình xử lý đắp hồ điều hòa bờ bao bãi GYPS và đắp bờ bao bãi GYPS(công trình được khởi công vào ngày 24/07/2012) với số tiền 572.625.000 (bao gồm cả thuế 10 %). Công ty chưa nhận được số tiền thanh toán trên.

Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN (GTGT)

Mẫu số 01-GTKT-3LL

Liên 2 (Giao cho khách hàng)

Ký hiệu: AA/12P

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Số: 0036853

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5

Địa chỉ: 84 Hùng Duệ Vương- Thượng Lý- Hồng Bàng-Hải Phòng

Số TK: 7036789

Mã số thuế: 0200567967

Họ tên người mua hàng: Vũ Văn Đạt

Đơn vị: Công ty cổ phần Minh Đạt

Địa chỉ: 125/85 Lạch Tray – Ngô Quyền - HP

MST: 0101325452

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hóa và dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Quyết toán công trình: Xưởng gia công kết cấu thép				
2					
Cộng tiền hàng					483.841.062
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT					48.384.106
Tổng cộng thanh toán:					532.225.168
Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi năm nghìn một trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

Biểu số 2.4.Hóa đơn giá trị gia tăng.**HÓA ĐƠN (GTGT)***Mẫu số 01-GTKT-3LL*

Liên 2 (Giao cho khách hàng)

Ký hiệu:AA/12P

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Số: 0036859

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5

Địa chỉ: 84 Hùng Duệ Vương- Thượng Lý- Hồng Bàng - Hải Phòng

Số TK: 7036789

Mã số thuế: 0200567967

Họ tên người mua hàng: Đặng Văn Luân

Đơn vị: Công ty TNHH MTV DAP- VINACHEM

Địa chỉ:Khu kinh tế Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

MST: 0200827051

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hóa và dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Xử lý đắp hồ điều hòa bờ bao bãi GPYS và đắp bờ bao bãi GYPS.				
2					
Cộng tiền hàng					520.568.182
Thuế suất thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT					52.056.818
Tổng cộng thanh toán:					572.625.000
Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi năm nghìn một trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Biểu số 2.5

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...					
21/12	HD 63169	21/12	Mua thép của CtyTNHH Dung Long	152	109.804.469	
				133	10.980.447	
				112		120.784.916
25/12	HD 36853	25/12	Bàn giao công trình xưởng gia công kết cấu thép theo giai đoạn thực hiện	131	532.225.168	
				511		483.841.062
				3331		48.384.106
28/12	HD 36859	28/12	Xử lý đắp hồ điều hòa bờ bao bãi GPYS và đắp bờ bao bãi GYPS.	131	572.625.000	
				511		520.568.182
				3331		52.056.818
						
31/12	PKT 64	31/12	Kết chuyển sang xác định kết quả kinh doanh	511	7.189.092.219	
				911		7.189.092.219
			Cộng phát sinh		197.078.251.039	197.078.251.039

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Đối với công ty trị giá vốn hàng bán, dịch vụ cung cấp bao gồm tất cả các chi phí thực tế đã phát sinh (nhân công, vật tư và một số chi phí khác...) của chính công trình mà công ty tham gia thi công. Khi nào bàn giao công trình căn cứ vào bảng phân bổ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, bảng tổng hợp chi phí máy thi công, bảng tổng hợp chi phí chung, kế toán lập được sổ chi tiết giá thành sản phẩm của từng công trình. Từ giá thành sản phẩm kết chuyển về giá vốn của từng công trình. Khi bàn giao công trình hoàn thành thì kế toán đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng. Giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp này được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{Của khối lượng} \\ \text{Xây lắp hoàn} \\ \text{Thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở} \\ \text{đang trong} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất thực tế} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong đó chi phí sản xuất thực tế dở dang cuối kỳ tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{dở} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPSX phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị khối lượng xây} \\ \text{lắp hoàn thành bàn} \\ \text{giao trong kỳ theo dự} \\ \text{toán} \end{array}} + \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{theo dự toán} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp dở dang} \\ \text{cuối kỳ theo} \\ \text{dự toán} \end{array}} \times$$

* Tài khoản sử dụng:

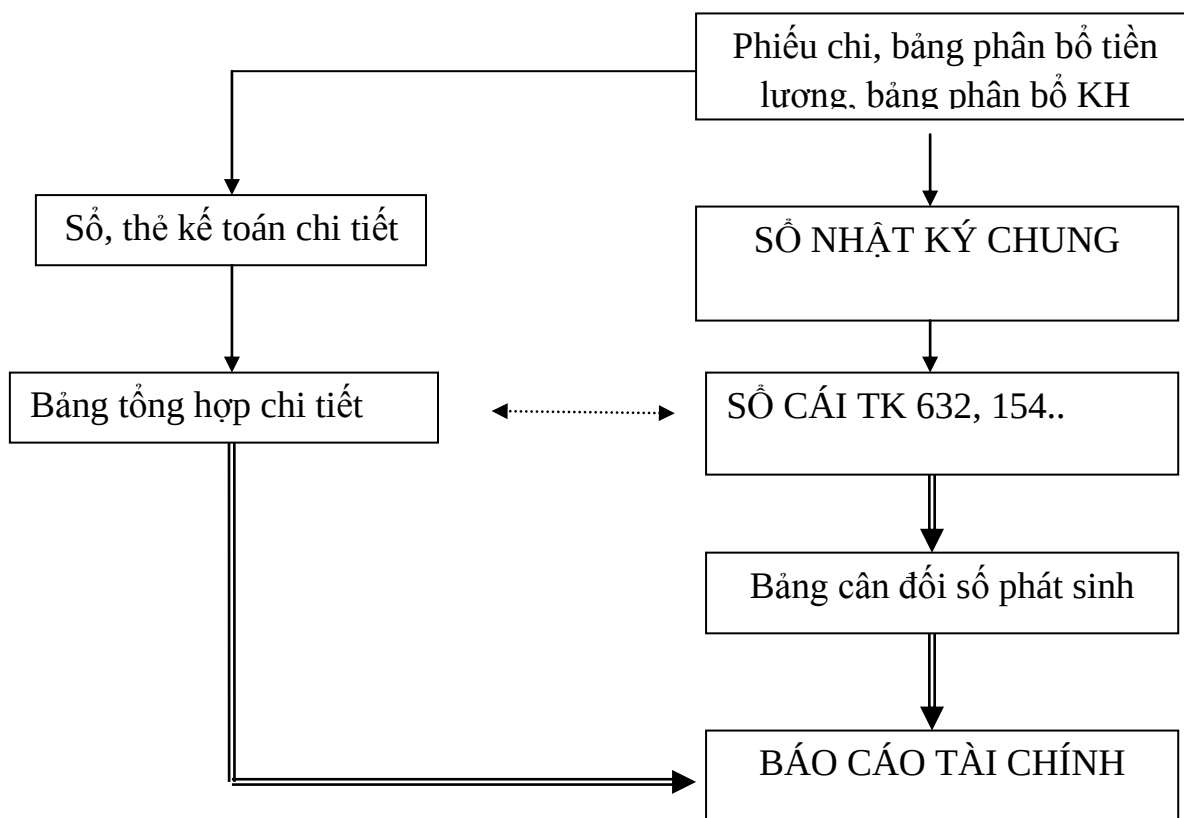
- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- TK 156: Hàng hóa.
- Các tài khoản khác có liên quan...

* Chứng từ sử dụng

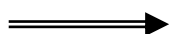
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02- VT)
- Sổ sách sử dụng:
- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 632,154...
- Trình tự hạch toán
- **Trình tự hạch toán giá vốn**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán giá vốn



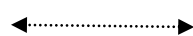
Ghi chú



Ghi cuối kỳ:



Ghi hàng ngày:



Đối chiếu, kiểm tra:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như : Phiếu chi...kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái các TK có liên quan.

Cuối kỳ kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Tại dự án công trình “Xử lý đắp hồ điều hòa bờ ao bao bãi GYPS và Đắp bờ bao bãi GYPS” vào quý 4 năm 2012. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tính như sau:

CPSX dở dang đầu kỳ = 260.854.425

CPSX phát sinh trong kỳ = 345.654.350

Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao
trong kỳ theo dự toán = 445.876.238

Giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán = 130.654.397

Giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ = 135.306.158

Từ đó tính được giá thành của công trình trong quý. Cụ thể trong quý 04/2012 giá thành công trình là:

$$Z = 260.854.425 + 345.654.350 - 135.306.158 = 471.202.617$$

Bảng 2.11: Bảng tính giá thành công trình “Xưởng gia công kết cấu thép”

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Công trình: Xưởng gia công kết cấu thép

Quý 4/2012

STT	Tên công trình	Chi phí phát sinh trong kỳ				Cộng chi phí	Chi phí SXKD dở dang		Giá vốn
		CPNVLT	CPNCTT	CPSXC	CP máy thi công		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
1	Gia công kết cấu thép	227.115.030	25.182.229	29.010.567	64.346.524	345.654.350	260.854.425	135.306.158	471.202.617
2									
3									

Người lập bảng

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Giám đốc

(ký,họ tên,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ Phần Xây lắp cơ điện số 5

Biểu 2.12

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...					
25/12	HĐ 36853	25/11	Bàn giao công trình xưởng gia công kết cấu thép theo giai đoạn thực hiện	131	532.225.168	
				511		483.841.062
				3331		48.384.106
31/11	BTGT Q4	31/11	Giá vốn công trình Xử lý đắp hồ điều hòa bờ ao bãi GYPS và đắp bao bãi GYPS	632	471.202.617	
				154		471.202.617
28/12	HĐ 36859	28/12	Bàn giao công trình Xử lý đắp hồ điều hòa bờ bao bãi GYPS và đắp bờ bao bãi GYPS	131	572.625.000	
				511		520.568.182
				3331		52.056.818
						
31/12	PKT 63		Kết chuyển sang xác định kết quả kinh doanh	911	6.800.502.315	
				632		6.800.502.315
			Cộng phát sinh		197.078.251.039	197.078.251.039

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.13

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5 Mẫu số S03b – DN
 84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý (Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
 - Hồng Bàng- Hải Phòng - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
 trưởng BTC)

SỔ CÁI**Số hiệu TK: 632**

Tên tài khoản :Giá vốn hàng bán

Quý 4 Năm 2012*Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...					
25/12	BTGT Q4	25/12	Giá trị quyết toán hạng mục công trình “Tường rào tuyến bờ mương do thay đổi vị trí”	154	86.359.150	
31/12	BTGT Q4	31/12	Giá vốn công trình Xử lý đắp hồ điều hòa bờ ao bãi GYPS và đắp bao bãi GYPS	154	471.202.617	
31/12	PKT 63		Kết chuyển sang xác định kết quả kinh doanh	911		6.800.502.315
			Cộng phát sinh		6.800.502.315	6.800.502.315
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên,đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý DN của Công ty thường chiếm tỷ trọng lớn trong khoản mục chi phí do Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Chi phí quản lý Doanh nghiệp tại Công ty gồm các loại chi phí sau: Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp khác, các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên bộ phận quản lý Doanh nghiệp, chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bộ phận bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài.

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 642: Chi phí quản lý DN
- TK 111: Tiền mặt
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các tài khoản khác có liên quan...

*** Chứng từ ghi sổ**

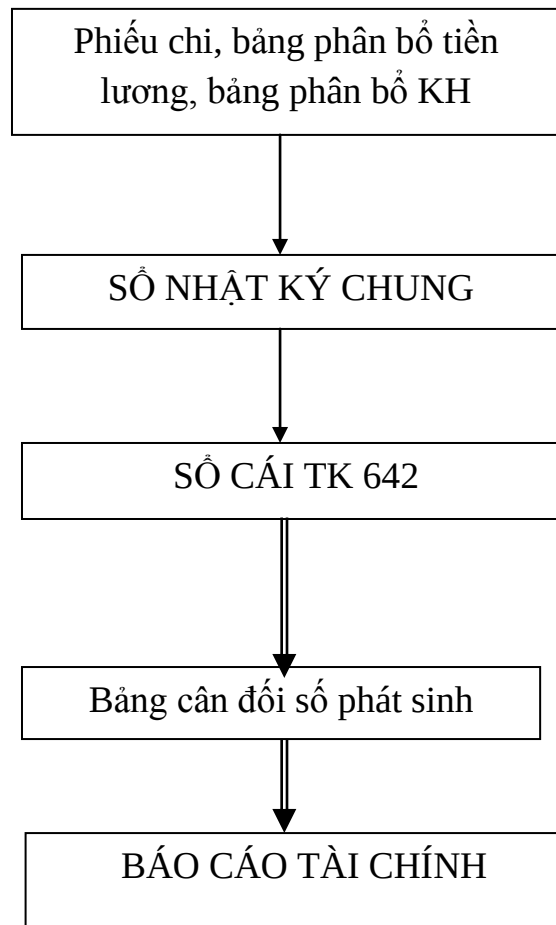
- Bảng tính lương và các trích theo lương
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan..

*** Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK642, 111,..
- Các sổ sách khác có liên quan

*** Trình tự hạch toán kế toán.**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: ==>
- Ghi cuối kỳ: —>

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: hóa đơn GTGT, phiếu chi.... kế toán ghi vào SNKC sau đó từ SNKC kế toán ghi vào các sổ cái liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào Bảng cân đối phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD: **Biểu 2.14. Bảng tổng hợp lương và các khoản phụ cấp**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP CƠ ĐIỆN SỐ 5

Bộ phận : Phòng tổ chức hành chính

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP

THÁNG 12/2012

STT	Họ và Tên	Mức lương theo hợp đồng	Số công hưởng lương	Tiền lương và thu nhập khác			Tiền lương thực nhận	Ký nhận
				Lương thời gian	Phụ cấp ăn ca	Cộng		
1	Phan Thanh Đào	5.565.000	26	5.565.000	260.000	5.825.000	5.825.000	
2	Đào Trọng Cường	3.675.000	26	3.675.000	260.000	3.935.000	3.935.000	
3	Đỗ Trung Thuần	2.949.000	26	2.949.000	260.000	3.209.000	3.209.000	
4								
	Tổng cộng	43.924.000	130	43.924.000	4.560.000	48.484.000	48.484.000	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngoài ra căn cứ vào hóa đơn, phiếu chi Công ty có phát sinh sau:

- Chi trả tiền nước máy cho công ty

Nợ TK 642: 539.500

Nợ TK 133: 53.950

Có TK 111: 593.450

- Thanh toán tiền tiếp khách

Nợ TK 642: 2.461.000

Có TK 111: 2.461.000

Bảng 2.15: Giấy đề nghị thanh toán

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số 05 - TT
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 24 tháng 12 năm 2014

Kính gửi: Ban giám đốc Công ty cổ phần xây lắp cơ điện số 5

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Đặng Thị Huệ

Bộ phận (địa chỉ): Phòng tổ chức hành chính

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền nước tháng 12

Số tiền: 593.450 (Viết bằng chữ): Năm trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người duyệt
(Ký, họ tên)

Bảng 2.16: Phiếu chi

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

Số: 204

No: 642

No: 133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Đặng Thị Huệ

Địa chỉ: Phòng tổ chức hành chính

Lý do chi: Thanh toán tiền nước máy tháng 12

Số tiền: 593.450 (viết bằng chữ): Năm trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
 (Ký, họ tên,
 đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

**Người lập
 phiếu**
 (Ký, họ tên)

Người nhận tiền
 (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.17: Giấy đề nghị thanh toán

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số 05 – TT
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Ban giám đốc công ty Cổ phần Xây lắp số 3

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Đào Trọng Cương

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng tổ chức hành chính

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 2.461.000 (viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Phiếu chi

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 215

No: 642

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Đặng Thi Huệ

Địa chỉ: Phòng tổ chức hành chính

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 2.461.000 (viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập Người nhận tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) **phiếu** (Ký, họ tên)
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn,

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.19:

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...					
24/12	PC204	24/12	Tiền nước tháng 12	642	539.500	
				133	53.950	
				111		593.450
26/12	PC209	26/12	Tiền điện lưới tháng 12	642	940.000	
				133	94.000	
				111		1.034
31/12	BTKH Q4	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	642	4.670.000	
				214		4.670.000
31/12	BTTL T12	31/12	Tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp	642	48.484.000	
				334		48.484.000
31/12	PC 215	31/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	2.461.000	
				111		2.461.000
31/12	PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	355.176.936	
				642		355.176.936
						
			Cộng phát sinh		197.078.251.039	197.078.251.039

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)
dấu)

kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng)

2.2.4. Kế chi phí hoạt động tài chính.**2.2.4.1.kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

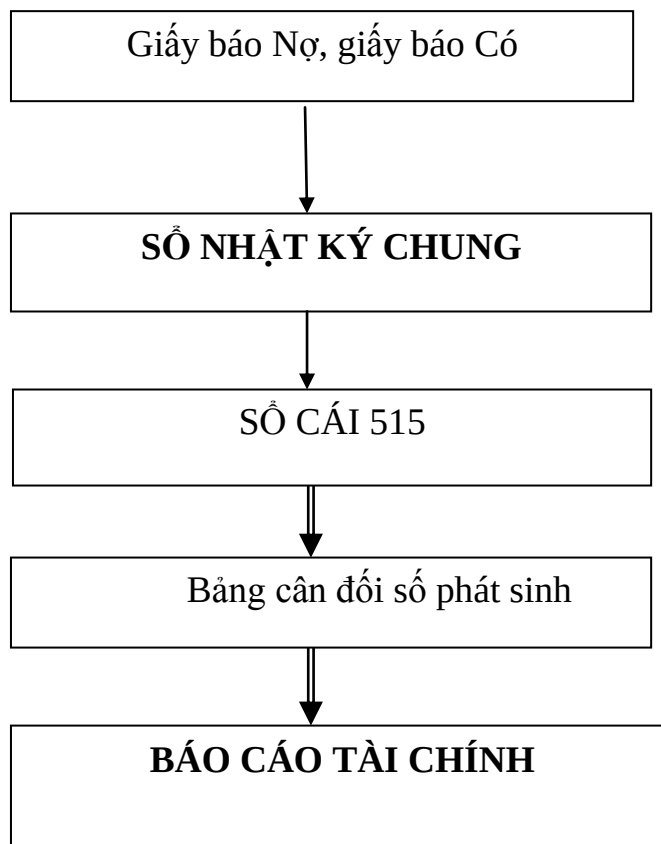
Công ty kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp nên doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty gồm lãi tiền gửi, tiền cho vay. Các khoản lãi này được các Ngân hàng Công ty mở tài khoản giao dịch gửi báo Có vào cuối mỗi tháng.

***Tài khoản sử dụng**

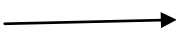
- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- + TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- + TK khác liên quan....

***Chứng từ kế toán sử dụng**

- + Giấy báo Có
- + Phiếu kế toán
- + Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2. Trình tự hạch toán kế toán**Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối kỳ: 

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: giấy báo Nợ, giấy báo Có.... Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VD: ngày 31/12/2012 Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Á Châu - ACB.

Căn cứ vào giấy báo Có với mã 901245 ngày 31/12/2012 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 3.295.242

Có TK 515: 3.295.242

Biểu số 2.21. Giấy báo có

31:12:2012 15:09 FAX HANH CHINH ACB TN
Ngan Hang A Chau **GIAY BAO CO**
Chi nhanh:ACB - Hai NGÀY 31/12/2012 Ma GDV:Phan Thanh Dao
Phong Ma KH:901245
So GD:

Kinh gọi : CTY CP XAY LAP CO DIEN SO 5

Ma so thue : 0200567967

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CO: 7036789

Số tiền bằng số: 3.295.242

Số tiền bằng chữ: BA TRIEU HAI TRAM CHIN NAM NGHIN HAI TRAM BON HAI DONG CHAN.

Nội dung : ## TIEN LAI /111- HD 7036789 (NH ACB- THAI PHIEN – HAI PHONG)

Giao dịch viên

Kiểm soát

2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh

Do đặc điểm hoạt động xây lắp các công trình, hạng mục công trình được chia ra thành nhiều giai đoạn thực hiện nên việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cũng được xác định theo từng giai đoạn hoàn thành của từng Công ty tham gia thi công.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & \text{Tổng} & & \text{Giá vốn} & & \text{CPBH} \\ \text{hoạt động} & & \text{DTT về} & & \text{Hàng} & & \text{và} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{Bán} & - & \text{bán} & - & \text{CPQLDN} \\ & & \text{hàng} & & & & \end{array}$$

Trong đó: doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

Kết quả hoạt động tài chính là kết quả được tính bằng chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

$$\text{Kết quả HĐTC} = \text{DT hoạt động TC} - \text{CP hoạt động TC}$$

Kết quả hoạt động khác là kết quả được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Tài khoản sử dụng:

- + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- + TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- + Các TK khác có liên quan

- Chứng từ kế toán sử dụng

- + Phiếu kế toán
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 911, 821.....

- Phương pháp hạch toán:

Cuối kỳ, kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh của từng công trình, hạng mục công trình theo từng giai đoạn thực hiện và tổng hợp kết quả kinh doanh trong một quý của cả Công ty. Sau khi kế toán tập hợp tất các số liệu về doanh thu, chi phí theo từng giai đoạn thực hiện của công trình, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kinh doanh. Đồng thời, kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung các bút toán kết chuyển cuối quý, lập sổ chi tiết tài khoản 911 để phản ánh các bút toán kết chuyển cuối kỳ để xác định kết quả

kinh doanh của từng công trình, hạng mục công trình theo từng giai đoạn thực hiện và lập sổ cái TK 911 để tổng hợp kết quả kinh doanh của cả Công ty trong một quý.

VD:

Cuối tháng 12, Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5 xác định kết quả kinh doanh của cả năm.

Doanh thu bán hàng và CCDV	7.189.092.219
Doanh thu hoạt động tài chính	3.295.242
Giá vốn hàng bán	6.800.502.413,920
Chi phí quản lý doanh nghiệp	355.176.936

$$KQKD = 7.189.092.219 - 6.800.502.413,920 + 3.295.242 - 355.176.936$$

$$= 36.708.210,080 > 0$$

- Kết quả kinh doanh > 0: lãi

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = 36.708.210,080 * 25\% = 7.384.357$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 36.708.210,080 - 7.384.357 = 29.323.853,080$$

Sau khi xác định lãi kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang TK 421- lợi nhuận chưa phân phối.

Cuối kỳ, tập hợp các số liệu từ sổ sách liên quan, kế toán lập phiếu kế toán.

Sau đó, căn cứ vào phiếu kế toán đã lập, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 511:	7.189.092.219
Nợ TK 515:	3.295.242
Có TK 911:	7.192.387.461
Nợ TK 911:	7.155.679.349
Có TK 632:	6.800.502.413,920
Có TK 642:	355.176.936
Nợ TK 821:	7.384.357
Có TK 3334:	7.384.357
Nợ TK 911:	7.384.357
Có TK 821:	7.384.357
Nợ TK 911:	29.323.853,080
Có TK 421:	29.323.853,080

Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu), sau đó dựa vào số liệu NKC kế toán vào sổ cái TK 911 (biểu), sổ cái TK 821, Sổ cái TK 421.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.24

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5

84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý – Hồng Bàng – Hải phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 63

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán	911	632	6.800.502.314,920
2	Chi phí quản lý DN	911	642	355.176.936
5	Thuế TNDN	911	821	7.384.357
6	Lợi nhuận sau thuế	911	421	29.323.853,080
	Tổng			7.192.387.461

Biểu 2.25

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5

84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý – Hồng Bàng – Hải phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 64

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	7.189.092.219
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	3.295.242
	Tổng			7.192.387.461

Biểu 2.26

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5

84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý – Hồng Bàng – Hải phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 65

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	821	3334	7.384.357
	Tổng			7.384.357

Biểu 2.27

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng g ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
....						
31/12	PKT 64	31/12	KC các khoản DT	511	7.189.092.219	
				515	3.295.242	
				911		7.192.387.641
31/12	PKT 63	31/12	KC các chi phí	911	7.155.679.349	
				632		6.800.502.314,920
				642		355.176.936
31/12	PKT 65	31/12	Thuế TNDN hiện hành	821	7.384.357	
				3334		7.384.357
31/12	PKT 63	31/12	KC thuế TNDN hiện hành	911	7.384.357	
				821		7.384.357
31/12	PKT 63	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911	29.323.853,080	
				421		29.323.853,080
						
			Cộng phát sinh		197.078.251.039	197.078.251.039

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.28

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối xứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
....			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT 64	31/12	KC các khoản DT	511		7.189.092.219
				515		3.295.242
31/12	PKT 63	31/12	KC các chi phí	632	6.800.502.314,920	
				642	355.176.936	
31/12	PKT 63	31/12	KC thuế TNDN	821	7.384.357	
31/12	PKT 63	31/13	Lợi nhuận sau thuế	421	29.323.853,080	
						
			Cộng phát sinh		71.192.387.461	71.192.387.461
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: B-02/DN
(Bn hàng kèm theo QĐ số
15/2006/QĐ – BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Người nộp thuế: Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5

Mã số thuế: 0200567967

Địa chỉ trụ sở: Số 84 Hùng Duệ Vương

Quận huyện : Hồng Bàng tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại:

Fax :

Email:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp Dịch vụ	1	VI.25	7.189.092.219	14.223.231.073
2	Các khoản giảm trừ	2	VI.26		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10	VI.27	7.189.092.219	14.223.231.073
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	6.800.502314,920	13.500.674.892
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		388.589.904,080	722.556181
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	VI.29	3.295.242	3.244.265
7	Chi phí tài chính	22	VI.30		
	Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		355.176.936	674.859.039
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		36.708210,080	50.941.407
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		36.708.210,080	50.941.407
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	7.384.357	12.733.821
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51)	60		29.323.853,080	38.207.586

Lập ngày 05 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên,

đóng dấu)

CHƯƠNG: 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP CƠ ĐIỆN SỐ 5

3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5 trong thời gian tới.

- Trong điều kiện nền kinh tế Nước ta hiện nay có nhiều biến động phức tạp, tìm được hướng đi đúng đắn, đảm bảo làm ăn kinh doanh có hiệu quả, có lãi, tự chủ về tài chính là điều kiện tồn tại của tất cả các doanh nghiệp. Trải qua nhiều năm từ khi hoạt động đến nay, Công ty đã có nhiều cố gắng và nỗ lực nhất định trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Đề hoạt động sản xuất của Công ty ngày càng đạt hiệu quả cao, thu được nhiều lợi nhuận, Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý giúp gọn nhẹ, phân công nhiệm vụ rõ ràng, các phòng ban nghiệp vụ có nhiệm vụ giúp Ban Giám đốc trong việc giám sát sản xuất, quản lý công việc hợp lý, phù hợp với điều kiện của Công ty.

- Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5 đến hiện nay không ngừng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong quản lý lao động, Công ty có chế độ động viên, khuyến khích đối với người lao động có tay nghề cao, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên học tập để nâng cao trình độ. Đó là kết quả lao động bền bỉ trong nhiều năm của tập thể của Cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

- Song song với quá trình lớn mạnh của Công ty, bộ máy kế toán của Công ty cũng ngày càng khẳng định được vị trí quan trọng không thể thiếu được, là một trong những công cụ then chốt của hệ thống quản lý Doanh nghiệp.

- Bộ máy kế toán được tổ chức tương đối chặt chẽ với các nhân viên có năng lực, trình độ, nhiệt tình, trung thực, có tinh thần trách nhiệm cao. Bên cạnh đó còn xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, phương pháp hạch toán một cách khoa học, rõ ràng tạo ra sự hiệu quả trong công việc đồng thời phân chia trách nhiệm, quyền hạn của từng nhân viên trong Công ty tránh trùng lặp trong công tác kế toán.

- Với sự phát triển của công nghệ thông tin toàn cầu.là một doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn phải nắm bắt được những thông tin phản hồi của khách

hàng. Qua đó, Công ty đã trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, sử dụng internet nối mạng với các chi nhánh... Do đó, tiết kiệm được chi phí, giảm đáng kể khối lượng công việc nhằm mang lại hiệu quả cao.

- Với những thành quả đã đạt được trong hơn mười năm qua, Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường bằng các sản phẩm xây dựng có chất lượng cao, thiết kế đẹp, giá thành hạ. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp công ty từng bước hòa nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế đất nước, chủ động trong sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường làm tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty.

3.1.1.Ưu điểm

- Về công tác kế toán nói chung

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập chung của Công ty có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất.

Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động nề nếp. Mọi công việc hạch toán đều có sự phân công công việc một cách hợp lý, khoa học, rõ ràng không bị chồng chéo trong công việc, cùng với đó là ý thức trách nhiệm trình độ chuyên môn vững vàng của nhân viên kế toán đã phát huy tốt vai trò của mình, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách nhanh chóng, chính xác và cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý, chủ đầu tư, khách hàng...

Phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận liên quan cũng như các nội dung của công tác kế toán đều đảm bảo tính thống nhất về phạm vi.

- Về hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty áp dụng hình thức kế toán : “ NHẬT KÝ CHUNG “ là hình thức ghi sổ kế toán phổ biến với những ưu điểm: dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với năng lực kế toán ở mọi trình độ, dễ phân công lao động trong phòng Kế toán. Và hình thức này phù hợp với thực tế tổ chức sản xuất xây lắp tại Công ty.

Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung với kết cấu sổ đơn giản mà vẫn đảm bảo độ tin cậy về thông tin kinh tế cung cấp cho các nhà quản lý.

- Về hệ thống chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán là đề ghi sổ kế toán, là cơ sở pháp lý của sổ liệu kế toán. Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đầy đủ, chặt chẽ theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo tính chính xác, hợp lý khi phản ánh mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để xác định kết quả kinh doanh, bộ phận kế toán sử dụng các chứng từ như sau : Hóa đơn GTGT, giấy báo nợ, giấy báo có, phiếu kế toán... Công tác lập và , luân chuyển và bảo quản lưu giữ chứng từ đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, chứng từ luôn có đầy đủ nội dung, chữ ký của các bên liên quan , phù hợp với yêu cầu thực tế, đảm bảo tính thống nhất về vi phạm, phương pháp tính các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan tới việc tiêu thụ hàng hóa. Việc sắp xếp chứng từ khoa học khiến cho quá trình tra cứu sổ liệu kế toán dễ lên sổ sách, tiến hành xác định kết quả kinh doanh khá nhanh chóng và thuận tiện.

- Hệ thống tài khoản sử dụng

Hệ thống tài khoản mà công ty áp dụng để xác định kết quả kinh doanh đều đúng theo quy định được Bộ tài chính ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC. Các TK được chi tiết đã đảm bảo được yêu cầu quản lý, đảm bảo cung cấp các thông tin phù hợp cho từng đối tượng và phục vụ cho việc lập các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của đơn vị.

3.1.2. Nhược điểm

- Mặc dù có nhiều cố gắng, cải tiến tích cực như vậy xong công tác kế toán ở Công ty vẫn tồn tại một số nhược điểm bất cập cụ thể sau :

***Về bộ máy kế toán.**

- Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc của các cá nhân viên chưa hợp lý. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc tại công ty.

- Hiện tại công ty đang áp dụng hình thức “ Nhật ký chung”. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế còn chậm và nhiều sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu dẫn đến nhầm lẫn.

*** Công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Kế toán không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Điều này gây khó khăn cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành. Công ty nên mở sổ chi tiết theo đối tượng như vậy có thể theo dõi chi tiết và dễ dàng hơn

- Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán). Mục đích của loại sổ này giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty với nhà cung cấp. Điều này giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng theo dõi tình hình nợ phải thu hoặc nợ phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp ,kịp thời.

- Kế toán công ty không mở Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm ,hàng hóa bán ra. Điều này sẽ làm kế toán rất đối chiếu với số liệu tài khoản hàng tồn kho trên sổ cái.

*** Về tài khoản kế toán.**

- Công ty không trích các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp cho công nhân viên.

*** Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

- Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ và lượng nợ phải thu lớn, gây mất chủ đề trong sử dụng vốn , vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến công ty trong quá trình kinh doanh.

- Hiện tại công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán trước hạn,...Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của công ty kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến đến hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

3.2 Sự cần thiết của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, cạnh tranh là điều tất yếu đối với các thành phần kinh tế. Vì vậy vấn đề sống còn đặt ra cho các nhà quản trị là làm sao để có doanh nghiệp có thể đứng vững và phát triển mạnh mẽ trong điều kiện đó. Để tồn tại và khẳng định vị trí thì doanh nghiệp phải làm ăn có hiệu quả, lợi nhuận cao. Tuy nhiên để đạt được điều đó không phải dễ dàng. Bên cạnh việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế thì việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác

định kết quả kinh doanh là một vấn đề cấp thiết với doanh nghiệp. Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp xác định chính xác kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp.

Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần tuân thủ nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành, việc chấp nhận các quy định về mặt pháp luật không những tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn tạo điều kiện cho cơ quan pháp lý
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở thống nhất giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa kế toán ở trung tâm và kế toán ở các đại lý.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm loại hình kinh doanh của công ty nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị ngành.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm bớt khối lượng công việc nhưng vẫn phải đảm bảo tính khoa học, hợp lý.
- Hoàn thiện công tác cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, phục vụ những đơn vị hoặc cá nhân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty.

3.3. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5.

Trong quá trình thực tập tại Công ty, em thấy công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty tương đối hoàn thiện. Tuy nhiên cùng với sự phát triển vững mạnh của Công ty cũng như đòi hỏi ngày càng cao của thị trường, việc không ngừng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và kết quả là vô cùng cần thiết. Xuất phát từ tình hình thực tế của Công ty kết hợp với lý luận được học tập, nghiên cứu tại trường, em xin đưa ra ý kiến sau:

Ý kiến 1 : Ứng dụng phần mềm kế toán.

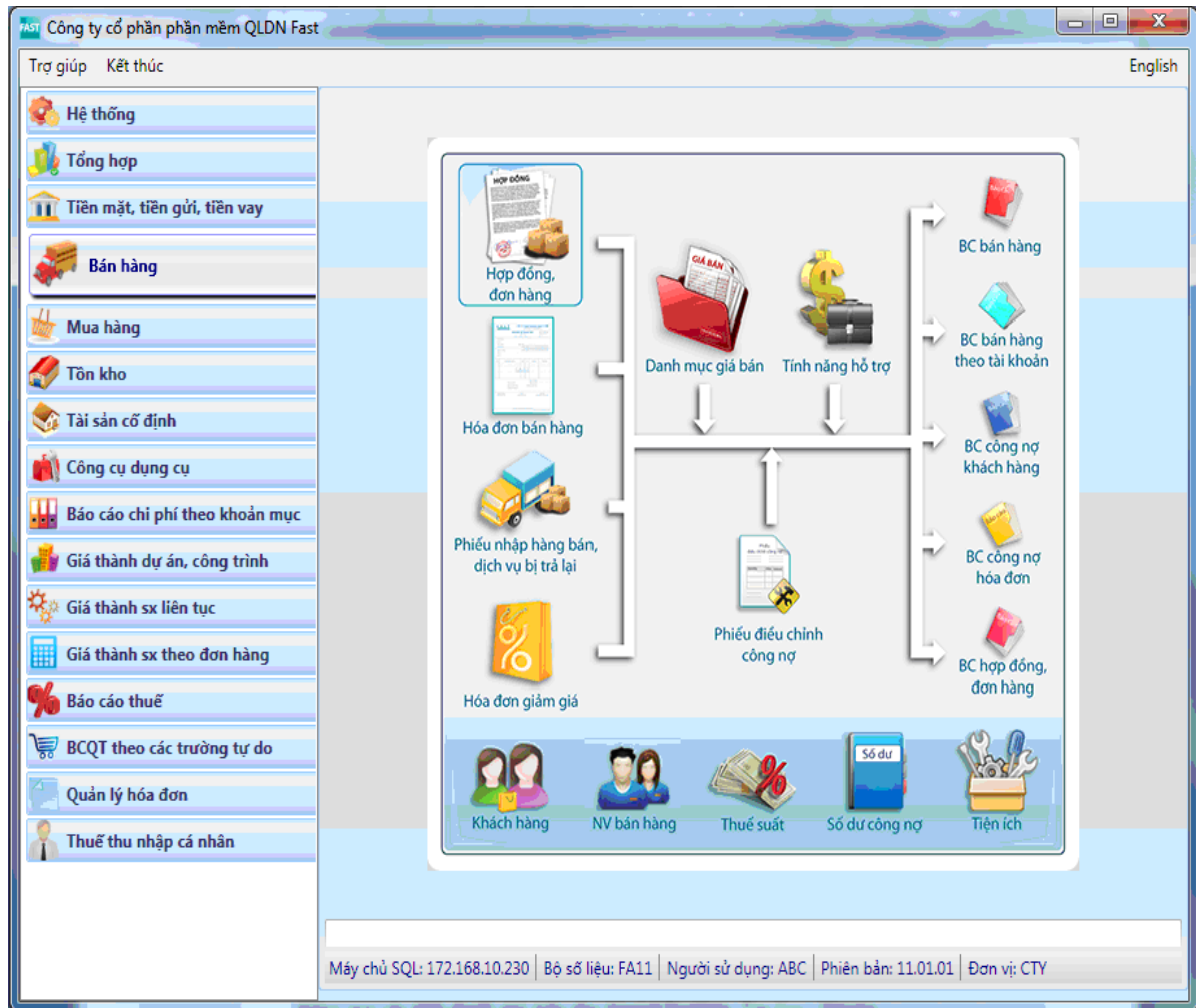
- Đến năm 2012, Công ty vẫn sử dụng kế toán Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán. Công ty nên kết hợp kế toán máy Excel và phần mềm kế toán máy nhằm phát huy được những ưu điểm của hai hình thức.

- Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và đáp ứng yêu cầu

quản lý, công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện số 5 nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hoạch toán kế toán. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn phù hợp: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,... Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán. Hiện tại phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty. Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là lớn hay nhỏ. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các quá trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo thực hiện cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý... Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

VD. Phần mềm kế toán máy Fasts Accounting.

Fasts Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện nay đã có hơn 8500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, sản phẩm nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox,

Microsoft
C#.net

Microsoft
SQL Server

Fast Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

Ý kiến thứ 2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty cổ phần xây lắp cơ điện số 5.

VD. Ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT Ký hiệu AA/12p số 36853 ngày 25/12/2012 về nghiệp vụ bán hàng cho Công ty Cổ phần Minh Đạt, sổ chi tiết bán hàng và căn cứ vào hóa đơn GTGT ký hiệu AA/12p số 36853 và phiếu xuất kho số 67 ngày 25/12/2012.

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 131

Tên TK: Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty Cổ phần Minh Đạt

Năm:2012

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	TH CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	có
A	B	C	D	1	2	3	4	5	
			Số dư đầu kỳ					-	
25/12	HD 36853	25/12	Bàn giao công trình xưởng gia công kết cấu thép theo giai đoạn thực hiện.	511		483.841.062		493.841.062	
				3331		48.384.106		48.384.106	
						-			
			Cộng phát sinh			532.225.168			
			Số dư cuối kỳ					381.049.633	

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản : 156 Tên, quy cách, vật liệu dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa): Đầu báo nhiệt
Tiểu khoản : Mã số vật liệu, dụng cụ,(sản phẩm hàng hóa)
Tên kho: Kho số 1 Đơn vị tính: Bộ
Năm:

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		SDDK							103	20.600.000
PX 67	14/12	Bán hàng cho công ty Minh Đạt	632	200.000			7	1.400.000	96	19.200.000
										
		Cộng phát sinh					36	7.200.000		
		SDDCK							60	12.000.000

Công ty cổ phần Xây lắp Cơ điện số 5
84 Hùng Duệ Vương – Thượng Lý
- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ
- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản: 621, 622, 623, 627, 154, 741, 642, 632, 142, 242, 335)

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tên sản phẩm dịch vụ:

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	NT		Nợ	Có	TK 6423	...	TK6427	TK6428
			SDDK						
									
24/12	PC 204	24/12	Tiền nước 12	593.450				593.450	
26/12	PC 209	26/12	Tiền điện tháng 12	1.034.000				1.034.000	
31/12	PC 215	31/12	Tiền tiếp khách tháng 12	2.461.000					2.461.000
31/12	PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí		355.176.936				
			Cộng phát sinh	355.176.936	355.176.396				
			SDDCK	—	—				

Khi mở chi tiết các sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán), sổ chi tiết vật liệu dụng cụ hàng hóa, sổ chi tiết sản xuất kinh doanh. Giúp doanh nghiệp dễ dàng trong quá trình kiểm tra về công nợ, cũng như là kiểm tra các hàng hóa một cách thuận tiện không bị nhầm lẫn và một cách nhanh chóng rút ngắn thời gian kiểm tra và đạt kết quả tốt. Sổ chi tiết sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi từng yếu tố một cách cụ thể và nắm bắt chi phí một cách dễ dàng hơn. Công ty nên mở các sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán), sổ chi tiết vật liệu dụng cụ, hàng hóa và sổ chi tiết sản xuất kinh doanh sẽ giúp bộ phận kế toán làm việc nhanh chóng hơn và đạt hiệu quả cao nhất.

Ý kiến thứ 3: Các khoản trích theo lương.

- Tiền lương là biểu hiện bằng tiền, phần sản phẩm xã hội trả cho người lao động được sử dụng để bù đắp hao phí lao động của mình trong quá trình sản xuất nhằm tái sản xuất sức lao động.

- Như vậy tiền lương là khoản thù lao mà doanh nghiệp trả cho người lao động trong thời gian mà họ cống hiến cho doanh nghiệp. Tiền lương có thể biểu hiện bằng tiền hoặc bằng sản phẩm. Tiền lương có chức năng vô cùng quan trọng nó là đòn bẩy kinh tế vừa khuyến khích người lao động chấp hành kỷ luật lao động, đảm bảo ngày công, giờ công, năng suất lao động ,vừa tiết kiệm chi phí về lao động, hạ giá thành tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

* Các khoản trích theo lương:

- **Bảo hiểm xã hội:** Được hình thành bằng cách trích theo tỉ lệ quy định trên tổng tiền lương cơ bản và phụ cấp có tính chất lương của công nhân viên chức thực tế phát sinh trong tháng. Quỹ lương này do cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý và được chi tiêu cho các trường hợp người lao động ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.....

- **Bảo hiểm y tế:** Được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương cơ bản và phụ cấp có tính chất lương của công nhân viên chức thực tế phát sinh trong tháng . Quỹ này được sử dụng để thanh toán các khoản tiền khám, chữa bệnh, viện phí, thuốc thang...cho người lao động trong thời gian ốm đau, sinh đẻ....

- **Kinh phí công đoàn:** Được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số thu nhập của công nhân viên trên thực tế phát sinh trong tháng.

- **Bảo hiểm thất nghiệp:** Được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương cơ bản và phụ cấp có tính chất lương của công nhân viên chức thực tế phát sinh trong tháng và được sự hỗ trợ của nhà nước. Quỹ này được chi trả hàng tháng cho người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ học nghề cho người đang hưởng thất nghiệp, hỗ trợ tìm việc làm cho người đang hưởng chế độ này, chi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đang hưởng chế độ hàng tháng, chi quản lý bảo hiểm thất nghiệp, đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng theo quy định.

- Theo chế độ hiện hành, các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được hình thành một phần do người lao động đóng góp và một phần do người sử dụng lao động đóng góp theo tỷ lệ sau:

Chỉ tiêu	Người lao động góp (trừ vào thu nhập)	Người sử dụng lao động đóng góp (tính vào chi phí sản xuất)
1.BHXH:24%	7%	17%
2.BHYT:4,5%	1,5%	3%
3.KPCĐ:2%	-	2%
4.BHTN:2%	1%	1%
Tổng	9,5%	23%

* Tài khoản sử dụng:

- TK 334: Phải trả công nhân viên
- TK 338: phải trả phải nộp khác
 - TK 3382: Kinh phí công đoàn
 - TK 3383: Bảo hiểm xã hội
 - TK 3384: Bảo hiểm y tế
 - TK 3389: Bảo hiểm thất nghiệp
- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 627: Chi phí sản xuất chung
- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

* Công ty lên trích bảo hiểm xã hội cho công nhân viên trong công ty để đảm bảo công bằng về quyền lợi và hợp lý về pháp luật theo quy định của nhà nước. Làm động lực thúc đẩy trong quá trình làm việc của công nhân viên để đạt được kết quả tốt nhất trong công việc, giúp công ty phát triển và đạt được hiệu quả hơn nữa.

Ý kiến thứ 4: Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:

Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5 có số lượng khách hàng nợ lớn. Để có thu hồi vốn nhanh, rút gọn vòng quay vốn thì công ty phải có chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện chính sách này một cách có hiệu quả công ty cần có những biện pháp sau :

- Công ty phải thường xuyên quân tâm đốc thúc khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát sao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho các cá nhân đạt thành tích tốt trong các thu hồi nợ cũng như là không hoàn thành nhiệm vụ.
- Đưa ra những chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm trong đó quan trọng là chính sách chiết khấu thanh toán.
- Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ rút gọn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.
- Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng
- Thời gian thanh toán tiền hàng.
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại.
- Chính sách kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ cụ thể.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông tin qua TK 635 – Chi phí tài chính.

Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh giúp công ty phát triển hơn nữa để luôn đạt lợi nhuận cao.

*** Ngoài ra công ty nên lưu ý một số vấn đề sau:**

- Công ty nên tăng cường tìm hiểu và nghiên cứu thị trường, trang thiết bị, công tác đối ngoại để tăng số lượng hợp đồng. Cần giảm chi phí tới mức thấp nhất để tăng lợi nhuận, cũng như tăng nguồn vốn kinh doanh của công ty.

- Công ty nên tìm kiếm mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, từ đó cải thiện được đời sống cho công nhân viên. Đặc biệt thị trường đang trong thời kỳ bão giá, tất cả các mặt hàng đều tăng giá, đời sống của công nhân viên trở lên khó khăn hơn. Vì vậy công ty nên có chế độ tăng lương hợp lý, tăng cường chính sách khen thưởng, khuyến khích công nhân viên có năng lực, sáng tạo, phát huy tốt nhất nguồn lực vốn có trong công ty.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trong thời kỳ kinh tế mở hiện nay, thì dường như những bài toán kinh tế cho mỗi doanh nghiệp ngày càng nan giải và khó khăn, mà mỗi bài toán kinh tế đó vẫn là đi tìm kiếm lợi nhuận. Lợi nhuận ở đây không đơn thuần được đo bằng giá trị vật chất mang lại mà còn phải đảm bảo về cả chất và lượng về nhân lực cũng như thành quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu thì mỗi doanh nghiệp cần tạo ra cho mình một hướng đi riêng, với những đường lối, phương pháp hoạch toán kinh doanh đúng đắn, hiệu quả. Và kế toán là một công cụ quan trọng và cần thiết không thể thiếu được trong mỗi doanh nghiệp. Kế toán vừa là công cụ quản lý kinh tế vừa là công tác nghiệp vụ hữu hiệu, là một trợ thủ đắc lực cho các nhà hoạch định kinh doanh vạch ra hướng phát triển trong tương lai.

Sau một thời gian tìm hiểu công tác kế toán ở Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5, em đã phần nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức hệ thống kế toán trong một doanh nghiệp và những công việc cần phải làm đối với một phần hành kế toán. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường. Qua thời gian thực tập, em nhận thấy Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5 là một doanh nghiệp có uy tín lớn trong lĩnh vực kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu đô thị, nhà hàng khách sạn Công ty đã tổ chức rất tốt công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của cô giáo – Th.S Lê Thi Nam Phương và ban tài chính kế toán Công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận.

DANH MỤC THAM KHẢO

- Hệ thống kế toán Việt Nam – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Tài chính.
- Giáo trình kế toán tài chính – Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Tài liệu kế toán của Công ty Cổ phần xây lắp cơ điện số 5
- Các trang web: <http://www.webketoan.com>
<http://www.tapchiketoan.info>
<http://www.kiemtoan.com>
- Tạp chí kế toán kiểm toán các thông tư về chế độ kế toán.
- Một số chuyên đề của anh chị trước.

